# MỤC LỤC

**MỞ ĐẦU** ..... **1**
1. Lý do chọn đề tài ..... 1
2. Mục đích nghiên cứu ..... 3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu ..... 3
4. Giả thuyết khoa học ..... 3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu ..... 4
6. Phương pháp nghiên cứu ..... 4
7. Phạm vi nghiên cứu ..... 4
8. Đóng góp của luận văn ..... 5
9. Cấu trúc của luận văn ..... 5
**CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC** ..... **6**
1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ ..... 6
1.1.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài ..... 6
1.1.2. Các nghiên cứu trong nước ..... 8
1.2. CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH ..... 10
1.2.1. Quản lý, quản lý giáo dục ..... 10
1.2.2. Quản lý nhà trường ..... 16
1.2.3. Giáo dục quốc phòng - an ninh ..... 18
1.2.4. Quản lý công tác giáo dục quốc phòng - an ninh ..... 20
1.3. CÔNG TÁC GDQP-AN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ..... 21
1.3.1. Mục tiêu công tác GDQP - AN ở trường Đại học ..... 21
1.3.2. Nội dung, chương trình GDQP-AN ..... 22
1.3.3. Hình thức tổ chức ..... 24
1.3.4. Các lực lượng tham gia phối hợp ..... 25
1.3.5. Các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN ..... 26
1.4. QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ..... 26

1.4.1. Quản lý mục tiêu công tác GDQP-AN cho sinh viên ..... 26
1.4.2. Quản lý nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN ... 27
1.4.3. Quản lý các hoạt động GDQP-AN cho sinh viên ..... 28
1.4.4. Quản lý sự phối hợp giữa các lực lượng tham gia trong công tác GDQP-AN ..... 30
1.4.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ khác ..... 31
1.5. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ..... 32
**TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 ..... 34**
**CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP - AN CHO SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM TẠI GIA LAI ..... 35**
2.1. KHÁI QUÁT VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÌNH HÌNH KINH TẾ- XÃ HỘI, GD-ĐT VÀ AN-QP TỈNH GIA LAI ..... 35
2.1.1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên ..... 35
2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội ..... 36
2.1.3. Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo ..... 37
2.1.4. Tình hình an ninh – quốc phòng ..... 38
2.2. KHÁI QUÁT VỀ PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM TẠI GIA LAI ..... 39
2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ ..... 40
2.2.2. Cơ cấu tổ chức ..... 40
2.3. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT ..... 41
2.3.1. Mục đích điều tra ..... 41
2.3.2. Nội dung và đối tượng điều tra ..... 42
2.3.3. Phương pháp điều tra ..... 42
2.3.4. Xử lý kết quả điều tra ..... 42

2.4. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GDQP-AN CHO SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM TẠI GIA LAI ..... 42
2.4.1. Thực trạng việc thực hiện mục tiêu công tác GDQP-AN cho SV 42
2.4.2. Thực trạng nội dung, chương trình công tác GDQP-AN ..... 43
2.4.3. Thực trạng hình thức và phương pháp GDQP-AN cho SV ..... 44
2.4.4. Thực trạng các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN ..... 45
2.5. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN CHO SV PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM TẠI GIA LAI ..... 47
2.5.1. Thực trạng quản lý mục tiêu công tác GDQP-AN ..... 47
2.5.2. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN cho SV ..... 48
2.5.3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy cấp chứng chỉ GDQP-AN của đơn vị liên kết đào tạo ..... 54
2.5.4. Thực trạng quản lý các lực lượng phối hợp tham gia công tác GDQP-AN cho SV ..... 56
2.5.5. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN cho SV ..... 59
2.6. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN ..... 62
2.6.1. Điểm mạnh ..... 62
2.6.2. Điểm yếu ..... 63
2.6.3. Thời cơ ..... 64
2.6.4. Nguy cơ ..... 65
**TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 ..... 65**
**CHƯƠNG 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP - AN CHO SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH TẠI GIA LAI ..... 66**
3.1. NGUYÊN TẮC CHUNG ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP ..... 66
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa ..... 66

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống ..... 66
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp thực tiễn ..... 66
3.1.4. Nguyên tắc tính hiệu quả của quản lý ..... 67
3.2. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN CHO SV PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM TẠI GIA LAI ..... 67
3.2.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường ..... 67
3.2.2. Xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho SV ..... 72
3.2.3. Tăng cường quản lý hoạt động học của sinh viên ..... 76
3.2.4. Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện ..... 78
3.2.5. Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác GDQP-AN ..... 81
3.2.6. Củng cố, hoàn thiện cơ chế phối hợp với các lực lượng tham gia, đơn vị liên kết đào tạo GDQP-AN cho SV ..... 83
3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP ..... 86
3.4. KHẢO NGHIỆM TÍNH CẤP THIẾT, TÍNH KHẢ THI CÁC BIỆN PHÁP ..... 87
3.4.1. Mục đích và đối tượng khảo nghiệm ..... 87
3.4.2. Nội dung khảo nghiệm ..... 88
3.4.3. Kết quả khảo nghiệm ..... 88
**TIỂU KẾT CHƯƠNG 3 ..... 92**
**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ ..... 93**
**TÀI LIỆU THAM KHẢO ..... 96**
**QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ (BẢN SAO)**
**PHỤ LỤC ..... P1.**

# DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| CHỮ VIẾT TẮT | CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ |
|---|---|
| AN | An ninh |
| ANQG | An ninh quốc gia |
| BGH | Ban Giám hiệu |
| CBQL | Cán bộ quản lý |
| CBGV | Cán bộ giảng viên |
| CĐSP | Cao đẳng sư phạm |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| CNXH | Chủ nghĩa xã hội |
| CSVC-TBDH | Cơ sở vật chất - thiết bị dạy học |
| ĐH | Đại Học |
| GDQP-AN | Giáo dục Quốc phòng - An ninh |
| GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| GV | Giảng viên |
| HĐDH | Hoạt động dạy học |
| HS, SV | Học sinh, Sinh viên |
| NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| PPDH | Phương pháp dạy học |
| PTDH | Phương tiện dạy học |
| QLGD | Quản lý giáo dục |
| QTDH | Quá trình dạy học |
| TP.HCM | Thành phố Hồ Chí Minh |
| TBDH | Thiết bị dạy học |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

# DANH MỤC CÁC BẢNG


| Số hiệu bảng | Tên bảng | Trang |
|---|---|---|
| Bảng 2.1 | Thống kê số trường, lớp, giáo viên và học sinh tại tỉnh Gia Lai. | 37 |
| Bảng 2.2 | Kết quả tuyển sinh 5 năm gần đây | 41 |
| Bảng 2.3 | Thực trạng quản lý mục tiêu công tác GDQP-AN | 47 |
| Bảng 2.4 | Thực trạng quản lý hoạt động học của SV | 49 |
| Bảng 2.5 | Thực trạng quản lý thực hiện nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN | 51 |
| Bảng 2.6 | Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV | 53 |
| Bảng 2.7 | Thực trạng quản lý hoạt động dạy cấp chứng chỉ GDQP-AN của đơn vị liên kết đào tạo | 55 |
| Bảng 2.8 | Thực Trạng quản lý các lực lượng phối hợp tham gia công tác GDQP-AN cho SV | 57 |
| Bảng 2.9 | Khảo sát CBQL, GV về thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN cho SV | 59 |
| Bảng 2.10 | Khảo sát SV về thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN cho SV | 61 |
| Bảng 3.1 | Tổng hợp kết quả trưng cầu ý kiến CBQL, GV về khảo nghiệm các biện pháp | 89 |

# DANH MỤC CÁC HÌNH, SƠ ĐỒ


| Số hiệu hình và sơ đồ | Tên hình và sơ đồ | Trang |
|---|---|---|
| Hình 2.1 | Bản đồ hành chính tỉnh Gia lai | 36 |
| Hình 2.2 | Sơ đồ bộ máy quản lý | 40 |
| Sơ đồ 3.1 | Mối quan hệ giữa các biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai | 87 |

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Những năm qua, giáo dục quốc phòng - an ninh (QP-AN) cho sinh viên các trường Đại học đã có những chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp đến việc tổ chức thực hiện ở từng cơ sở nhà trường, đơn vị. Cùng với những thành tựu vượt bậc của công cuộc đổi mới đất nước, công tác QP-AN ninh nước ta luôn được Đảng, Nhà nước, nhân dân chăm lo xây dựng, củng cố. Vì vậy, tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được giữ vững, công tác giáo dục QP – AN ngày càng được tăng cường, củng cố. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định: "Tăng cường quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân". Tư duy mới của Đảng ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong giai đoạn hiện nay được thể hiện rõ ở việc tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, làm cho mọi người hiểu rõ những thách thức lớn tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố khó lường. Đối với nước ta, các thế lực thù địch vẫn ráo riết chống phá, chủ yếu bằng chiến lược diễn biến hoà bình, nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chuyển hoá cách mạng nước ta đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Các hành động xâm hại chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta vẫn tiếp diễn dưới nhiều hình thức, âm mưu và với các thủ đoạn hết sức tinh vi.

Tỉnh Gia Lai nằm trên địa bàn Tây Nguyên, nơi mà các thế lực thù địch, phản động luôn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm kích động tư tưởng ly khai, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Luận văn 24

Sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng là một lực lượng hùng hậu, có sức khỏe, có trình độ học vấn, có tiềm năng sáng tạo, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại, chủ nhân tương lai của đất nước. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ sinh viên đã và đang bị tác động to lớn bởi cơ chế thị trường, có những biểu hiện xuống cấp về lối sống, dễ bị kẻ xấu kích động, lôi kéo. Với mục tiêu giáo dục toàn diện về mọi mặt cho sinh viên, GD QP-AN đã tạo những cơ hội thiết thực cho thế hệ trẻ tu dưỡng về phẩm chất đạo đức, rèn luyện và hoàn thiện bản thân thông qua các giờ học thực hành trên thao trường, cùng với đó, các giờ học lý thuyết trên giảng đường đã trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm đường lối quân sự của Đảng, âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cũng như công tác quốc phòng trong giai đoạn hiện nay.

GD QP-AN cho sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Qua đó tạo điều kiện cho thế hệ trẻ tu dưỡng phẩm chất đạo đức và rèn luyện năng lực thực tế để sẵn sàng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Môn học GD QP-AN đã được xác định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và gần đây nhất Bộ chính trị đã có chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03-5-2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục QP-AN trong tình hình mới, Chính phủ ban hành Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10-7-2007 về GD QP-AN. [28, tr.3]

Trong điều kiện thực tiễn hiện nay về công tác GDQP-AN cho sinh viên phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia lai (Phân hiệu Gia lai) tuy đã đạt được nhiều kết quả rất đáng khích lệ song vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần được quan tâm giải quyết. Công tác giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên phân hiệu lại khá đặc thù. Giảng viên giảng dạy thường là các sĩ quan thuộc Trường Quân sự địa phương, các lực lượng xã hội tham gia hỗ

Luận văn 24

trợ còn sinh viên thường chưa nhận thức được hết tầm quan trọng của công tác này. Chính vì vậy, hoạt động quản lý công tác giáo dục quốc phòng - an ninh ở phân hiệu Gia Lai khá phức tạp và còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, mặc dù lãnh đạo Nhà trường đã quan tâm và tạo điều kiện cho công tác này. Điều này đòi hỏi phải sớm được khắc phục trong thời gian tới.

Với những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài: ***"Biện pháp quản lý công tác giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại Gia Lai"*** làm đề tài nghiên cứu.

**2. Mục đích nghiên cứu**

Trên nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý công tác giáo dục QP-AN cho sinh viên, đề xuất các biện pháp quản lý công tác giáo dục QP-AN cho sinh viên phân hiệu trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia lai, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

**3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

***3.1. Khách thể nghiên cứu:*** Công tác giáo dục quốc phòng - an ninh ở trường Đại học

***3.2. Đối tượng nghiên cứu:*** Các biện pháp quản lý công tác giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Gia Lai

**4. Giả thuyết khoa học**

Công tác giáo dục QP-AN cho sinh viên phân hiệu Gia lai đã được quan tâm tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Nếu đề xuất và triển khai được các biện pháp quản lý phù hợp với yêu cầu thực tiễn, thì sẽ nâng cao chất lượng quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên nhà trường.

Luận văn 24

**5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên trường đại học.

5.2. Phân tích thực trạng quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Gia Lai

5.3. Đề xuất các biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Gia Lai

**6. Phương pháp nghiên cứu**

***6.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận***

Sưu tầm, đọc, nghiên cứu, hệ thống hoá các lý luận trong các văn bản, tài liệu khoa học có nội dung liên quan đến đề tài.

***6.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn***

- Phương pháp điều tra: Nhằm mục đích thu nhận số liệu, những quan điểm, suy nghĩ của đối tượng được điều tra.

- Phương pháp quan sát: Dùng để thu nhận thông tin, phát hiện vấn đề từ trong thực tiễn của quá trình giáo dục.

- Phương pháp trò chuyện, trao đổi với đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên.

***6.3. Nhóm phương pháp bổ trợ***

- Phương pháp chuyên gia: Sử dụng hỏi 1 hay nhóm người về một vấn đề mà người này biết rõ về nó, là chuyên gia.

- Phương pháp thống kê toán học: Dùng để xử lý các kết quả điều tra về định lượng, định tính

**7. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu, khảo sát và đề xuất các biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên phân hiệu trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia Lai.

Luận văn 24

**8. Đóng góp của luận văn**

- Tổng hợp, khái quát lý luận về GDQP-AN cho sinh viên và công tác quản lý công tác GD QP-AN cho sinh viên trường đại học

- Giúp các nhà quản lý giáo dục có cơ sở xây dựng Chiến lược phát triển công tác GDQP-AN cho sinh viên.

**9. Cấu trúc của luận văn**

**Mở đầu**

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về quản lý công tác giáo dục quốc phòng – an ninh cho sinh viên trường Đại học

**Chương 2:** Thực trạng quản lý công tác giáo dục quốc phòng – an ninh cho sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia Lai

**Chương 3:** Biện pháp quản lý công tác giáo dục quốc phòng – an ninh cho sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM tại Gia Lai

**Kết luận và khuyến nghị**

**Danh mục tài liệu tham khảo**

**Phụ lục**

# CHƯƠNG 1
# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC

## 1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

### 1.1.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài

Trên thế giới, công tác giáo dục QP-AN cho học sinh, sinh viên luôn được chú trọng, các nước luôn xem đây là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên sự ổn định, phát triển của quốc gia mình.

Trung Quốc là một nước thường xuyên quan tâm chú trọng đến công tác giáo dục ý thức quốc phòng, bảo vệ đất nước cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ HS,SV. GDQP do Bộ Quốc phòng đảm nhiệm. Theo kế hoạch hàng năm của Chính phủ, từng trường đại học đưa sinh viên tới các đơn vị quân đội để học GDQP với thời gian 2 tháng. Khoảng thời gian này các đơn vị quân đội tổ chức cho bộ đội học dã ngoại ngoài doanh trại. Doanh trại quân đội lúc này trở thành các trung tâm GDQP. Điều 14 Luật Giáo dục quốc phòng của nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa  quy định: "Các trường tiểu học, trung học sơ cấp và tương đương cần đưa nội dung giáo dục quốc phòng vào chương trình giảng dạy trong nhà trường, kết hợp các chương trình, nội dung giảng dạy và học tập trên lớp với các hoạt động dã ngoại để tiến hành giáo dục quốc phòng cho học sinh. Các trường tiểu học, trung học sơ cấp có thể tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động của Nhà trường quân sự thiếu niên, trong đó lấy giáo dục quốc phòng làm chủ đề chính…". *(Bản giải trình của Chính phủ về các ý kiến đóng góp của Bộ, ngành, địa phương đối với Dự thảo Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2012)*

Luận văn 24

Malaysia quan niệm quốc phòng là: "Răn đe, tự lực, tự cường, thương lượng bao giờ cũng hơn chiến tranh", muốn quốc phòng tốt thì kinh tế phải mạnh...Vì vậy, nghiên cứu về quốc phòng và tổ chức GDQP cho người học được tiến hành thường xuyên và rộng khắp, đạt chất lượng tốt. Dân số 25 triệu, nhà nước đầu tư xây dựng 41 Trung tâm Giáo dục quốc phòng (TT GDQP) cho HS,SV, tư nhân đứng ra quản lí. Theo kế hoạch năm của nhà nước, thanh niên từ 18 đến 25 tuổi được tập trung tại các TT GDQP để học GDQP với thời gian 3 tháng. Các học phần lí thuyết do giảng viên các trường đại học giảng dạy, các học phần thực hành do sĩ quan quân đội giảng dạy. *(Một số dự báo tình hình thế giới trong những năm đầu thế kỷ XXI", Trung tâm dự báo chiến lược và tình báo Malaixia, Tổng cục II, tháng 7/1999*).

Ở Liên Bang Nga, việc nghiên cứu, quản lý công tác giáo dục ý thức quốc phòng cho cán bộ, viên chức, HS, SV được Chính phủ Nga đặc biệt quan tâm. Trong các công trình "Các vấn đề giáo dục quân sự", do E.G.Vapilin và Đại tá Q.Đ.Mulinva viết năm 2001: *"Những quan điểm phương pháp luận về xây dựng học thuyết giáo dục quân sự ở Nga"*...đã phần nào phản ánh được yêu cầu bức thiết quản lý giáo dục quốc phòng cho thế hệ trẻ ở Nga trước sự vận động, phát triển mau lẹ của tình hình quốc tế và đất nước Nga hiện nay.

Quốc hội Mỹ từ năm 1958 đã thông qua luật giáo dục quốc phòng, tuyên truyền tư tưởng "lợi ích quốc gia trên hết", đưa GDQP vào trong các loại hình giáo dục. Ngày nay trước tình hình mới, đối mặt với tình hình đa cực hóa thế giới, toàn cầu hóa kinh tế, mạng hóa thông tin, Mỹ càng coi trọng phổ cập tư tưởng GDQP mang màu sắc riêng. Giáo dục chủ nghĩa yêu nước là nội dung cốt lõi của GDQP ở Mỹ.

Trọng điểm GDQP ở nước Mỹ là: Yêu đất nước, biết phục tùng, trọng đoàn thể, chịu cống hiến. Trong GDQP, nhiệm vụ của người sĩ quan quân đội

Luận văn 24

Mỹ là phải nói cho học sinh biết, một người không biết phục tùng không phải là một người hoàn chỉnh. Phục tùng cấp trên, phục tùng đoàn thể, phục tùng quốc gia là tố chất cơ bản cần có của một con người hoàn chỉnh, một con người không biết phục tùng, làm sao biết cống hiến.

**1.1.2. Các nghiên cứu trong nước**

Công tác GDQP-AN cho HS, SV trong hơn nửa thế kỷ qua luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, coi đó là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên. GDQP-AN cho HS, SV là môn học bắt buộc và là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ được tôi luyện phẩm chất năng lực của mình để sẵn sàng thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Trong thập kỷ 60 của thế kỷ 20 nhiệm vụ chiến lược của đất nước ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà. Ngày 28/12/1961 thay mặt Hội đồng Chính phủ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã ký ban hành Nghị định số 219/CP về việc huấn luyện quân sự cho quân nhân dự bị và dân quân tự vệ. Trong đó quy định: Trong các trường đại học và các trường chuyên nghiệp trung cấp việc học tập quân sự phải đặt thành một môn học chính. Ngày 28 tháng 12 năm 1961 đánh dấu sự xuất hiện môn học Huấn luyện quân sự phổ thông trong chương trình giáo dục của các trường chuyên nghiệp trung cấp (nay là trung cấp chuyên nghiệp), đại học, cao đẳng; sau đó thêm các trường phổ thông cấp 3 (nay là trung học phổ thông). Môn học Huấn luyện quân sự phổ thông là tiền thân của môn học Giáo dục QP-AN ngày nay, dấu mốc quan trọng trong sự hình thành môn học mới của hệ thống giáo dục quốc dân. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách về GDQP-AN cho các đối tượng, trong đó đối tượng là học sinh, sinh viên được đặc biệt chú trọng.

Luận văn 24

Ngày 19 tháng 6 năm 2013 Quốc hội đã thông qua Luật GDQP-AN, đồng thời để thực thi luật có hiệu quả Chính phủ đã ban hành Nghị định số: 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2014 về Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật GDQP-AN đã có những tác động sâu sắc đến cả các cơ quan quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN, làm thay đổi tư duy của các cấp, các ngành đối với môn học GDQP-AN và góp phần khẳng định được vị thế của môn học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Nội dung chương trình giáo dục quốc phòng cho các bậc học ban hành theo Quyết định 12/2000/QĐ - BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có sự thay đổi về chất, đáp ứng sát thực hơn trước yêu cầu phát triển. Chương trình đã khắc phục được những hạn chế của chương trình theo Quyết định 2732/QĐ, tăng thời lượng cho giáo dục truyền thống. Cùng với sự phát triển, hoàn thiện chương trình, thiết bị dạy học môn GDQP-AN cũng được hoàn thiện dần. Từ những mô hình, sơ đồ tranh vẽ tự tạo của đội ngũ giáo viên trước đây; đến nay môn học đã được trang bị hệ thống thiết bị dạy học hiện đại với hệ thống các nhà sản xuất đã được lựa chọn, đáp ứng được với yêu cầu phát triển.

Để thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN cho các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân, Bộ giáo dục và đào tạo đã phối hợp với Bộ Quốc phòng tiến hành tổ chức hệ thống các cơ sở GDQP-AN với hệ thống các Trường quân sự địa phương, các Trung tâm GDQP, các khoa Quân sự và các tổ GDQP ở các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trường dạy nghề, Trường PTTH. Trong những năm qua cũng có một số đề tài, trung tâm nghiên cứu, hội thảo khoa học về GDQP-AN, cụ thể như sau:

Luận án tiến sĩ với đề tài "Quản lý GDQP-AN cho SV các trường đại học Việt nam trong bối cảnh mới" của Hoàng Văn Tòng; Luận văn Thạc sĩ "Quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên hệ chính quy tại trường ĐH khoa

Luận văn 24

học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà nội" của tác giả Nguyễn Đức Đăng (2011); Luận văn Thạc sĩ: "Những giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên GDQP" của tác giả Nguyễn Văn Huân (2003); "Quản lý công tác huấn luyện giáo dục QP-AN cho SV tại trung tâm GDQP Hà Nội I" của tác giả Phạm Hồng Hải (2010); đề tài "GDQP cho cán bộ, HS, SV các trường ĐH hiện nay" do Phạm Xuân Hảo làm chủ nhiệm…

Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến các khía cạnh khác nhau về GDQP-AN cho CBQL, SV, HS trong các trường ĐH, CĐ, Trường TC chuyên nghiệp. Nhìn chung các tác giả đều đề cập tới tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho CB, SV, HS trong bối cảnh thực hiện đổi mới QLGD cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam XHCN. Đồng thời đã đề xuất các giải pháp khác nhau nhằm nâng cao chất lượng dạy và học GDQP-AN ở các trường. Tuy vậy, nghiên cứu về công tác GDQP-AN cho SV còn ít, đặc biệt vấn đề quản lý công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia lai chưa có tác giả nào nghiên cứu.

## 1.2. CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH

### 1.2.1. Quản lý, quản lý giáo dục

***a. Khái niệm Quản lý***

Lịch sử đã chứng minh rằng, để tồn tại và phát triển, ngay từ khi loài người xuất hiện trên trái đất, con người đã liên kết với nhau thành nhóm để thực hiện những mục tiêu mà họ không thể đạt được với tư cách là những cá nhân riêng lẻ, nhằm chống lại sự tiêu diệt của thú dữ và thiên nhiên, đồng thời cũng xuất hiện một loạt các mối quan hệ: Quan hệ con người với con người, giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với xã hội và cả con người với chính bản thân con người. Trong quá trình đó đã xuất hiện một số người có năng lực chi phối được người khác, cũng như điều khiển mọi hoạt động của nhóm sao cho phù hợp với mục tiêu chung. Những người đó đóng vai trò thủ

Luận văn 24

lĩnh để quản lý nhóm, điều đó đã làm nảy sinh nhu cầu về quản lý. Như vậy, hoạt động quản lý xuất hiện từ rất sớm như một yếu tố cần thiết để phối hợp những nỗ lực cá nhân hướng tới những mục tiêu chung và nó tồn tại, phát triển cho đến ngày nay.

Nói đến hoạt động quản lý, người ta thường nhắc đến ý tưởng sâu sắc của Các Mác: "Tất cả mọi lao động xã hội trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên quy mô tương đối lớn, thì ít nhiều cũng cần đến một sự chỉ đạo để điều hòa sự hoạt động của cá nhân và thực hiện những chức năng chung phát sinh từ sự vận động của những khí quan độc lập của nó. Một người độc tấu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng " [22,tr.12]. K. Marx so sánh một cách hình ảnh: Nhạc trưởng với hệ thống nhạc công. Trong đó nhạc trưởng là một chủ thể quản lý, nhạc công là những chủ thể bị quản lý. Nhạc trưởng và nhạc công có quan hệ quản lý (Quan hệ về công việc và quan hệ con người) để đưa một sản phẩm "Kép ", một sản phẩm siêu sản phẩm. Đó là chủ thể quản lý và chủ thể bị quản lý cùng phát triển (Hoạt động tạo ra của chủ thể và sự phát triển của con người).

Những tư tưởng bàn về quản lý xã hội đã xuất hiện rất sớm ở cả Phương đông lẫn Phương tây. Song quản lý chỉ trở thành khoa học và được vận dụng vào thực tiễn có tính chất phổ biến chỉ mới bắt đầu vào thập niên đầu của thế kỷ XX, vào năm 1911 khi Taylor nhà tâm lý học, quản lý học người Mỹ công bố tác phẩm nổi tiếng : Những nguyên lý quản lý khoa học.

- Theo H.Koontz "Quản lý là một hoạt động thiết yếu, nó đảm bảo sự phối hợp những nỗ lực của cá nhân nhằm đạt được mục đích của tổ chức. Mục đích của mọi nhà quản lý là hình thành môi trường mà trong đó con người có thể đạt được mục đích của tổ chức. Mục đích của mọi nhà quản lý là

hình thành môi trường mà trong đó con người có thể đạt được các mục đích của mình với thời gian, tiền bạc, vật chất và sự bất mãn cá nhân ít nhất".

- Nhà khoa học quản lý người Mỹ F.W.Taylor cho rằng: "Quản lý là biết được chính xác điều bạn muốn người khác làm và sau đó thấy được rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất". Taylor đã nêu ra hệ thống tổ chức lao động nhằm khai thác tối đa thời gian lao động sử dụng hợp lý nhất các công cụ và phương tiện lao động nhằm tăng năng suất lao động.

- Nhà lý luận quản lý kinh tế người Pháp H.Fayon thì cho rằng: "Quản lý hành chính là dự đoán và lập kế hoạch, tổ chức điều khiển, phối hợp và kiểm tra".

- Các giáo sư nghiên cứu người Mỹ Harold Knoontz, Cyril O'donnell, Heinz Weihrich trong cuốn "Những vấn đề cốt yếu của quản lý" thì cho rằng: "Quản lý bao hàm việc thiết kế một môi trường mà trong đó con người cùng làm việc với nhau trong các nhóm để có thể thực hiện các mục tiêu".

Ở Việt Nam tác giả Đỗ Hoàng Toàn trong giáo trình " Quản lý kinh tế " cho rằng: Quản lý là tác động hướng đích của hệ thống chủ thể tới sự hoạt động của hệ thống đối tượng bằng một hệ thống các biện pháp, phương pháp và các công cụ làm cho hoạt động của hệ thống bị quản lý đó vận hành đúng theo yêu cầu của các quy luật khách quan và phù hợp với định hướng và mục tiêu của hệ thống chủ thể quản lý.

Tác giả Phạm Viết Vượng cho rằng cần xem xét khái niệm quản lý ở hai góc độ : Chính trị - xã hội và hành động. Ở góc độ chính trị – xã hội quản lý được hiểu là sự kết hợp giữa tri thức với lao động. Còn ở góc độ hành động quản lý được hiểu là chỉ huy, điều khiển, điều hành.

Quản lý là tác động vừa có tính khoa học, vừa có tính nghệ thuật vào hệ thống con người, nhằm đạt các mục tiêu kinh tế – xã hội.

Luận văn 24

Một xã hội, một tổ chức muốn phát triển tốt thì trước hết phải có một cơ chế quản lý tốt. Cơ chế quản lý ấy phải chi phối và tác động vào các lĩnh vực của xã hội, tổ chức và làm cho nó vận động theo hướng tích cực mà chủ thể quản lý đã xác định. Từ góc độ này tác giả Nguyễn Ngọc Quang cho rằng : Quản lý là quá trình tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng nhằm điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội, hành vi hoạt động của con người nhằm đạt tới mục đích, đúng với ý chí của nhà quản lý và phù hợp với quy luật khách quan.

Những năm gần đây vấn đề nguồn nhân lực, nhân tài có vị trí đặc biệt quan trọng đến nỗi nhiều nhà nghiên cứu cho rằng: Quản lý là quá trình tập hợp và sử dụng các nhóm nguồn lực ( đặc biệt là nhân lực) theo định hướng mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ.

Để khái quát và làm rõ được quy trình quản lý Richard Winter ( 2007) đã cho rằng: Quản lý là việc hiện thực hoá các mục tiêu của tổ chức theo cách có hiệu quả và hiệu xuất cao thông qua việc lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các nguồn lực của tổ chức.

***b. Các chức năng quản lý***

Chức năng QL là hình thức biểu hiện sự tác động có chủ đích của chủ thể QL lên đối tượng và khách thể QL, là tập hợp các nhiệm vụ khác nhau mà chủ thể QL phải tiến hành trong quá trình QL. Các chức năng của QL giữ vị trí then chốt, gắn liền với nội dung hoạt động, điều hành ở mọi cấp. Chúng được xem là một thể thống nhất những hoạt động tất yếu của chủ thể QL nảy sinh từ sự phân công, chuyên môn hoá trong hoạt động QL nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Thông qua các chức năng QL người ta xác định các khối lượng công việc cơ bản và trình tự tiến hành các công việc của quá trình quản lý. Trong đó mỗi chức năng gồm những nhiệm vụ cụ thể thể hiện quá trình liên tục của các công việc tất yếu phải làm. Trong mọi quá trình QL,

người QL phải thực hiện một dãy chức năng kế tiếp nhau một cách lôgích, bắt buộc, bắt đầu từ việc xác định mục tiêu và nhiệm vụ QL đến khi kiểm tra các kết quả đạt được v..v..

Qua nghiên cứu lý luận và thực tế của công tác QL nói chung, có thể tóm lược rằng QL bao gồm 4 chức năng cơ bản là kế hoạch hoá, tổ chức, điều khiển (lãnh đạo, chỉ huy) và kiểm tra đánh giá.

- *Chức năng kế hoạch hoá*: Kế hoạch hóa là một chức năng quản lý. Kế hoạch hóa có nghĩa là xác định mục tiêu, mục đích đối với thành tựu tương lai của tổ chức và con đường, biện pháp, cách thức để đạt được mục tiêu, mục đích đó. Kế hoạch hóa bao gồm 2 bước: bước chuẩn bị và bước xây dựng kế hoạch chính thức. Cụ thể gồm thu thập số liệu, rà soát các thông tin có liên quan, các mối quan hệ bên trong và bên ngoài, xác định tiềm năng của tổ chức, dự đoán chu kỳ hoạt động và trạng thái kết thúc và cuối cùng là dự thảo kế hoạch, lấy ý kiến đóng góp (của nội bộ, lãnh đạo cấp trên, các chuyên gia v..v..), và cuối cùng là xây dựng kế hoạch chính thức gồm chương trình hành động và mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức hoạt động.

- *Chức năng tổ chức*: là sự sắp đặt một cách khoa học và hợp lý các yếu tố, các dạng hoạt động thành một hệ thống hoạt động nhằm đảm bảo các mối tương tác tối ưu. Khi người quản lý đã lập xong kế hoạch, họ cần phải chuyển hóa những ý tưởng ấy thành hiện thực. Xét về mặt chức năng quản lý, tổ chức là quá trình hình thành nên cấu trúc các quan hệ giữa các thành viên, giữa các bộ phận trong tổ chức nhằm làm cho họ thực hiện thành công các kế hoạch và đạt được mục tiêu tổng thể của tổ chức.

- *Chức năng lãnh đạo, chỉ đạo*: là việc đưa ra những quyết định quản lý nhằm trước hết duy trì sự phối hợp giữa các bộ phận, các hoạt động làm cho toàn bộ hệ thống vận hành nhịp nhàng; tiếp đến là giám sát các hoạt động, các

trạng thái vận hành của hệ thống qua đó điều chỉnh, sửa đổi, uốn nắn các tác nhân cần thiết có liên quan đảm bảo sự vận hành đúng hướng, duy trì và giữ vững mục tiêu của toàn hệ thống.

- *Chức năng kiểm tra đánh giá*: là một trong những khâu cực kỳ quan trọng nhằm xác định trạng thái kết thúc của hệ thống, xem xét các mục tiêu đã được thực hiện như thế nào. Đồng thời kịp thời phát hiện những sai sót hay lệch lạc trong quá trình hệ thống vận hành để từ đó đề ra các biện pháp xử lý kịp thời, thích hợp.

***c. Quản lý giáo dục***

Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của nó là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ loài người, nhờ có giáo dục mà các thế hệ nối tiếp nhau phát triển, tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại được kế thừa, bổ sung và trên cơ sở đó mà xã hội loài người không ngừng tiến lên.

Có thể khẳng định, giáo dục và quản lý giáo dục là tồn tại song hành, giáo dục xuất hiện nhằm thực hiện cơ chế di truyền kinh nghiệm lịch sử - xã hội của loài người, của thế hệ đi trước cho thế hệ sau và để thế hệ sau có trách nhiệm kế thừa, phát triển nó một cách sáng tạo, làm cho xã hội, giáo dục và bản thân con người phát triển không ngừng. Để đạt được mục đích đó, quản lý được coi là nhân tố tổ chức, chỉ đạo việc thực thi cơ chế nêu trên. [7, tr.35].

Khi bàn về vấn đề này Viện sỹ A.Fanaxep đã phân chia xã hội thành ba lĩnh vực: Lĩnh vực chính trị – xã hội, lĩnh vực văn hoá - tư tưởng, lĩnh vực kinh tế. Và xếp quản lý giáo dục được xem là một bộ phận nằm trong quản lý văn hoá - tư tưởng.

- Theo Trần Kiểm: QLGD là tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và hướng đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau nhằm mục đích đảm bảo sự hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở nhận thức và vận dụng

những quy luật chung của xã hội cũng như các quy luật của giáo dục, của sự phát triển tâm lý và thể lực của trẻ em [20, tr. 3].

- Theo Nguyễn Ngọc Quang: "QLGD là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý giáo dục nhằm làm cho hệ thống giáo dục vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thể hiện được các tính chất của nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học (QTDH), giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ được giáo dục tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất" [27,tr.35].

- Theo Phạm Minh Hạc: "QLGD là tổ chức các HĐDH. Có tổ chức được các HĐDH, thực hiện các tính chất của nhà trường phổ thông Việt Nam xã hội chủ nghĩa, mới quản lý được giáo dục, tức là cụ thể hóa đường lối giáo dục của Đảng và biến đường lối đó thành hiện thực, đáp ứng yêu cầu của nhân dân, đất nước" [16, tr.9].

Các khái niệm quản lý giáo dục ta thấy ít nhất có hai cấp độ chủ yếu : cấp vi mô và cấp vĩ mô. Dù ở cấp vi mô hay cấp vĩ mô, có thể thấy 04 yếu tố của quản lý giáo dục : chủ thể quản lý, đối tượng quản lý, mục tiêu quản lý, khách thể quản lý (môi trường xã hội).

Những khái niệm trên tuy cách diễn đạt khác nhau nhưng có thể hiểu chung là: *QLGD là sự tác động có tổ chức, có định hướng, phù hợp với quy luật khách quan của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đưa hoạt động giáo dục ở từng cơ sở trường học và của toàn hệ thống giáo dục đạt tới mục tiêu đã định.*

### 1.2.2. Quản lý nhà trường

Nhà trường là một thể chế xã hội - nhà nước, là đơn vị tổ chức hoàn chỉnh, có quan giáo dục chuyên biệt thực hiện chức năng giáo dục-đào tạo của nhà nước và của cộng đồng xã hội chuẩn bị cho thế hệ trẻ có nhân cách để vững vàng bước vào cuộc sống. Quản lý nhà trường bao gồm hai loại:

Luận văn 24

- Tác động của chủ thể quản lý bên trên và bên ngoài nhà trường

- Tác động của những chủ thể quản lý bên trong nhà trường

Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: "Quản lý nhà trường là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và với từng học sinh". [16, tr.61]

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang quản lý trường học: Là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch hợp với quy luật của chủ quản lý (hệ giáo dục)nhằm làm cho hệ vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường XHCN Việt Nam mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học giáo dục thế hệ trẻ, đưa giáo dục tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất: [27, tr. 35].

Quản lý nhà trường thực chất là quản lý giáo dục trên tất cả các mặt, liên quan đến hoạt động giáo dục và đào tạo trong phạm vi một nhà trường.

*Các lĩnh vực quản lý của nhà trườngbao gồm:*

- Quản lý hoạt động giáo dục và dạy học (quản lý quá trình đào tạo).

- Quản lý giáo viên với hoạt động dạy và quản lý sinh viên với hoạt động học.

- Quản lý các hoạt động mang tính điều kiện cho quá trìnhđào tạo: Việc thực hiện các chế định: bộ máy tổ chức và nhân lực; tài lực và vật lực; môi trường tự nhiên và xã hội; thông tin; quản lý sinh viên ngoài giờ lên lớp [12, tr.28].

Chức năng của nhà trường là dạy và giáo dục. Chức năng đó cần được cụ thể hóa một cách chặt chẽ thông qua kế hoạch đào tạo.

** Quản lý hoạt động dạy học*

Hoạt động dạy học là hoạt động trung tâm của nhà trường, nó chi phối mọi hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Nó là con đường trực tiếp và thuận lợi nhất để giáo dục thế hệ trẻ và thực hiện mục đích cao nhất của nhà trường. Nội dung quản lý bao gồm:

- Quản lý hoạt động học của thầy: Quản lý việc thực hiện chương trình, quản lý việc soạn bài và chuẩn bị giờ lên lớp của GV, quản lý việc dự giờ thao giảng và tự bồi dưỡng của GV, quản lý việc thực hiện công tác nghiên cứu khoa học của GV.

- Quản lý hoạt động học của trò: Quản lý việc thực hiện giờ giấc học tập, tinh thần và ý thức học tập, phương pháp tự học, tự nghiên cứu...

** Quản lý hoạt động tham gia phối hợp*

Quản lý sự phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng tham gia phối hợp nhằm giáo dục toàn diện cho SV về bản chất là quá trình tổ chức quản lý việc phối hợp giáo dục của nhiều thành viên cùng tham gia tạo ra sự thống nhất chung của các thành viên, nhằm huy động hợp lý nhất khả năng của các thành viên phù hợp với mục tiêu, nội dung, kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường.

Mục tiêu của quản lý phối hợp giáo dục là làm cho quá trình giáo dục vận hành đồng bộ, hiệu quả, tạo ra bầu không khí hăng hái và thuận lợi để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho SV.

### 1.2.3. Giáo dục quốc phòng - an ninh

***a. Quốc phòng, an ninh***

- *Quốc phòng:* là công việc giữ nước của một quốc gia, gồm tổng thể hoạt động đối nội và đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học... của nhà nước và nhân dân để phòng thủ đất nước, tạo nên sức mạnh toàn diện; trong đó, sức mạnh quân sự là đặc trưng, nhằm giữ gìn hoà bình,

Luận văn 24

đẩy lùi, ngăn chặn các hoạt động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

- *Quốc phòng toàn dân:* là nền quốc phòng mang tính chất "vì dân, do dân, của dân", phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hoà bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc, phản động ; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa."

- *An ninh quốc gia*: "ANQG là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm về độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc"

***b. Giáo dục Quốc phòng, an ninh***

Luật Quốc phòng quy định: "Giáo dục quốc phòng, an ninh là môn học chính khoá trong nhà trường từ trung học phổ thông trở lên" [29, tr. 9], nhằm giúp sinh viên thực hiện được mục tiêu "hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [29,tr. 8].

Hoạt động xâm phạm ANQG là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- *Kiến thức quốc phòng và an ninh* bao gồm hệ thống quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc và kỹ năng quân sự.

- *Kỹ năng quân sự* là khả năng thực hành những nội dung cơ bản cần thiết về kỹ thuật, chiến thuật quân sự.

Luận văn 24

- *GDQP-AN* bao gồm GDQP-AN trong nhà trường, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng và phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân.

- *GDQP-AN trong nhà trường* là dạy, học để nâng cao lòng yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc, lịch sử truyền thống, lòng tự tôn dân tộc, được lồng ghép trong chương trình giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; dạy, học về kiến thức quốc phòng – an ninh; kỹ năng quân sự cho học sinh, sinh viên, từ trung học phổ thông đến đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, học viên các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- *Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh* là trang bị, nâng cao kiến thức quốc phòng và an ninh, kỹ năng quân sự phù hợp với từng đối tượng trong các cơ quan, tổ chức.

- *Phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh* là hoạt động thông tin, tuyên truyền kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân với nội dung, hình thức phù hợp.

- *GDQP-AN cho sinh viên* là hoạt động có kế hoạch, có chương trình, nội dung phương pháp và hình thức tác động của nhà giáo dục đến sinh viên, nhằm truyền thụ tri thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển bản lĩnh quân sự và an ninh cần thiết cho sinh viên để họ sẵn sàng làm tốt nghĩa vụ QP, AN bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

**1.2.4. Quản lý công tác giáo dục quốc phòng - an ninh**

Quản lý GDQP-AN cho sinh viên là hoạt động có mục đích, có tổ chức của nhà quản lý nhằm điều khiển, hướng dẫn các quá trình giáo dục, những hoạt động của cán bộ, giảng viên và sinh viên, huy động các nguồn lực khác nhau để thực hiện có hiệu quả chương trình, nội dung phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo kế hoạch đã xác định.

Luận văn 24

Quản lý GDQP-AN là quản lý các cơ sở GDĐT tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; quản lý cán bộ, giảng viên (tuyển dụng, làm việc, bồi dưỡng đào tạo, chế độ chính sách...); quản lý cơ sở vật chất; quản lý dạy và học...chất lượng môn GDQP-AN.

## 1.3. CÔNG TÁC GDQP-AN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

### 1.3.1. Mục tiêu công tác GDQP - AN ở trường Đại học

Hiện nay, thế giới đang đứng trước những vấn đề có tính toàn cầu, bản thân mỗi nước không thể tự giải quyết được mà phải có sự phối hợp đa phương như: bảo vệ hoà bình; ngăn chặn các bệnh hiểm nghèo; bảo vệ môi trường; chống tội phạm quốc tế... đã đặt ra những vấn đề mới về bảo vệ Tổ quốc.

Công tác GDQP- AN tại các trường CĐ và ĐH là hết sức quan trọng, bởi vì SV sẽ trở thành lực lượng lao động chính, là tương lai của đất nước. GDQP-AN cho SV là quá trình hình thành các phẩm chất về quân sự cho sinh viên. Đây là một nội dung quan trọng trong quá trình giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất, nhân cách sinh viên. Những phẩm chất quân sự của sinh viên được hình thành và phát triển trong quá trình đào tạo tại nhà trường và có tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp của họ sau khi tốt nghiệp ra trường.

GDQP-AN là giáo dục con người phát triển toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về QP-AN, về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc; nâng cao lòng yêu nước, yêu CNXH; có tinh thần cách mạng và ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta; có kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN và công tác quản lí nhà nước về QP, AN; có kỹ năng QS, AN cần

thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Công tác GDQP-AN cho sinh viên được thể hiện ở các mục tiêu cơ bản như sau:

- *Về kiến thức*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối QP-AN của Đảng và công tác quản lý nhà nước về QP-AN; về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; về một số vũ khí, trang bị kỹ thuật…

- *Về kỹ năng:* Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết như cách sử dụng một số vũ khí, trang bị kỹ thuật, các kỹ năng chiến đấu cơ bản đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- *Về thái độ:* Củng cố vững chắc trận địa tư tưởng, nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, qua đó nỗ lực vươn lên trong học tập, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, xây dựng tinh thần tập thể, nếp sống kỷ luật, văn hóa, lành mạnh.

**1.3.2. Nội dung, chương trình GDQP-AN**

Công tác GDQP-AN là một hoạt động môn học bao gồm các kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật quân sự, có tỉ lệ lý thuyết chiếm trên 70% chương trình hoạt động. Nội dung bao gồm kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự của Việt Nam, về chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và kỹ năng quân sự đáp ứng yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Luận văn 24

***a. Nội dung, chương trình môn học GDQP-AN***: Chương trình được xây dựng trên cơ sở theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDQP-AN, gồm có 3 học phần (8 tín chỉ)

*- Học phần 1: Đường lối quân sự của Đảng (3 tín chỉ)*

Học phần này Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.

*- Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh (2 tín chỉ)*

Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.

Trang bị cho sinh viên kiến thức về chiến tranh công nghệ cao; kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.

*- Học phần 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (3 tín chỉ)*

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

Giúp SV hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.

***b. Các chương trình hỗ trợ cho công tác GDQP-AN khác***

- Chương trình "Tuần sinh hoạt công dân" cho SV được tổ chức vào đầu năm học.

- Chương trình văn hóa văn nghệ được nhà trường tổ chức theo chủ đề, chủ điểm

- Chương trình ngoại khóa theo các mặt hoạt động xã hội

- Chương trình học tập theo các môn học có trong khung chương trình đào tạo, có tính kết hợp với nội dung giáo dục QP-AN.

- Chương trình hoạt động theo tuần công tác sinh viên.

Trong kế hoạch phải chỉ rõ mục tiêu hoạt động, nhiệm vụ, thời gian hoạt động, người phụ trách, nguồn lực tham gia, thời gian thực hiện, kết quả đạt được.

**1.3.3. Hình thức tổ chức**

Cần phải đa dạng hoá nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDQP-AN cho SV. Công tác GDQP-AN phải được tiến hành đồng bộ bằng nhiều hình thức, nội dung phải phù hợp với từng đối tượng. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch công tác thống nhất bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực và có hệ thống, bảo đảm cho người học có đủ các điều kiện để tham gia và hoàn thành nghĩa vụ công dân bảo vệ Tổ quốc. Về mặt nguyên tắc giáo dục QP-AN phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội

chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; kết hợp giáo dục cơ bản tập trung, có trọng tâm, trọng điểm với bồi dưỡng, phổ biến bằng các hình thức phù hợp; Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh phải phù hợp từng đối tượng; Đảm bảo tính kế hoạch, kế thừa, phát triển, khoa học, kịp thời, dễ hiểu, thiết thực và hiệu quả. Hoạt động công tác GDQP-AN được thể hiện dưới những hình thức sau đây:

- Công tác Giáo dục QP-AN cho SV thông qua các môn học Quân sự lý thuyết và Quân sự thực hành chính khóa.

- Công tác Giáo dục QP-AN cho SV thông qua "tuần sinh hoạt công dân" đầu mỗi năm học.

- Công tác Giáo dục QP-AN cho SV thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Công tác Giáo dục QP-AN cho SV thông qua các hoạt động xã hội

- Công tác Giáo dục QP-AN cho SV thông qua tổ chức các hoạt động ngoại khóa và các hoạt động khác.

### 1.3.4. Các lực lượng tham gia phối hợp

Như chúng ta đã biết, bất cứ hoạt động nào trong nhà trường mà không tìm được sự đồng thuận, không tìm được tiếng nói chung giữa các lực lượng tham gia thì không bao giờ đạt được mục đích mong muốn. Nếu các lực lượng GD có tâm huyết, có nhận thức đúng, ý thức trách nhiệm cao mà không được tạo điều kiện thuận lợi về cả tinh thần và vật chất thì công tác GDQP-AN cho SV cũng không thể thành công. Các lực lượng cùng tham gia phối hợp với Phân hiệu Gia lai trong công tác GDQP - AN cho sinh viên gồm:

- Trường Quân sự địa phương Tỉnh Gia lai
- Tỉnh Đoàn Gia lai và Thành đoàn TP.Pleiku
- Phòng PA83-Công an Tỉnh Gia lai
- Phòng quản lý công tác sinh viên phân hiệu Gia lai

### 1.3.5. Các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN

- Hệ thống các văn bản, chế tài phục vụ cho công tác GDQP-AN.

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho SV phải tuân thủ Hiến pháp, các quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam XHCN.

Kết hợp chặt chẽ giữa GDQP-AN với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, ý thức tự giác, tính kỷ luật, phổ biến, giáo dục pháp luật trong SV.

Bảo đảm bí mật Nhà nước, thiết thực, hiệu quả, đáp ứng thực tiễn yêu cầu công tác.

- Thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CBGV tham gia công tác giảng dạy GDQP-AN.

- Đảm bảo ngân sách, CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác GDQP-AN.

- Kinh phí chi trả bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia phối hợp với nhà trường trong công tác GDQP-AN cho SV phải phù hợp thực tế.

## 1.4. QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Công tác GDQP-AN ở trường ĐH là tổng thể các hoạt động dạy, hoạt động học, hoạt động công tác chính trị tư tưởng, hoạt động với các tổ chức và địa phương, hoạt động sinh hoạt ngoại khóa…bảo đảm cho các hoạt động này đi vào nề nếp, hiệu quả và chất lượng ngày một nâng cao. Để quản lý tốt công tác GDQP-AN ở trường ĐH, chúng ta phải nâng cao chất lượng quản lý các hoạt động, đặc biệt là chất lượng GDQP-AN cho sinh viên.

Quản lý phải bảo đảm tính hiệu quả của công tác đầu tư, tiết kiệm, chống hình thức và lãng phí. Nội dung quản lý công tác bao gồm các nội dung cụ thể sau:

### 1.4.1. Quản lý mục tiêu công tác GDQP-AN cho sinh viên

Quản lý mục tiêu là quản lý những yêu cầu trong công tác GDQP-AN đối với sinh viên, nhằm giáo dục kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN của Đảng và công tác quản lý nhà nước về QP, AN; về truyền thống đấu tranh chống giặc

Luận văn 24

ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật Quân sự Việt Nam; về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kỹ năng Quân sự, AN cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

**1.4.2. Quản lý nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN**

Thực hiện quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho SV, đòi hỏi Ban giám đốc phân hiệu phải chỉ đạo cho quản lý cấp dưới tiến hành nghiên cứu Thông Tư số 31/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 12 tháng 9 năm 2012 về ban hành chương trình GDQP-AN cho SV trình độ Đại học, Cao đẳng. Nghiên cứu nội dung của chương trình, trên cơ sở đó chỉ đạo các phòng ban và đơn vị liên kết đào tạo tiến hành tổ chức thực hiện dạy học theo chương trình của Bộ quy định.

Quản lý nội dung chương trình: là quản lý việc giảng dạy của giảng viên đơn vị liên kết đào tạo có đúng, đủ nội dung chương trình đã được ban hành theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hay không; quản lý học tập, rèn luyện, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Trong quản lý quá trình đào tạo, quản lý thực hiện nội dung chương trình đúng, đủ về thời lượng là quan trọng nhất; tránh tình trạng cắn xén trong giảng dạy, từ đó dẫn tới không bảo đảm chất lượng môn học.

Quản lý kế hoạch công tác là quản lý toàn bộ những dự định làm, gồm nhiều công tác sắp xếp có hệ thống, quy vào một mục đích nhất định và thực hiện trong một thời gian đã tính trước. Các nội dung trong kế hoạch công tác có ghi rõ thời gian thực hiện, người được phụ trách, những yêu cầu đi kèm phải cụ thể. Cần có bảng thông báo công khai nhận xét, đánh giá về tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch.

Quy trình xây dựng kế hoạch công tác GDQP-AN cho SV:

- Đối với kế hoạch năm của nhà trường: Phải xác định tình hình học tập từ đầu năm học, viết dự thảo kế hoạch và thông qua dự thảo này trước hội đồng nhà trường

- Đối với kế hoạch cá nhân, tổ chuyên môn: Phải nghiên cứu kế hoạch năm học cụ thể, điều tra cơ bản đối tượng giáo dục, tổng hợp xử lý thông tin để viết bản dự thảo và cuối cùng là thông qua dự thảo.

**1.4.3. Quản lý các hoạt động GDQP-AN cho sinh viên**

***a. Quản lý hoạt động dạy cấp chứng chỉ của đơn vị liên kết đào tạo***

Quản lý hoạt động dạy bao gồm các nội dung:

- Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy, kế hoạch GV.

- Kế hoạch lớp học, phòng học, trang thiết bị dạy học.

- Lịch giảng dạy các môn học.

- Giáo án lý thuyết, giáo án thực hành.

- Xây dựng thời khóa biểu một cách khoa học để quản lý, theo dõi tiến độ thực hiện chương trình cũng như quản lý giờ lên lớp của GV.

- Tổ chức dự giờ và đánh giá rút kinh nghiệm. Tổ chức trao đổi phương pháp giảng dạy từng bài, những bài khó, những tư liệu cần bổ sung vào bài giảng, những điều kiện vật chất học phục vụ cho bài giảng…

- Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá giờ lên lớp trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, bảng chỉ tiêu nội bộ của nhà trường và phải phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

- Phối hợp tổ chức thi kiểm tra, đánh giá, cấp chứng chỉ GDQP-AN cho SV để xác nhận hoàn thành kết quả học tập môn GDQP-AN. Và chứng chỉ này là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp cho SV.

- Cung cấp cho nhau thông tin về tình hình đào tạo của nhà trường.

***b. Quản lý hoạt động học tập của sinh viên***

Luận văn 24

Hoạt động học tập của SV là quá trình tự giác, tích cực chiếm lĩnh khái niệm khoa học, hình thành kỹ năng, kỹ xảo cần thiết dưới sự điều khiển sư phạm của người GV. Quản lý SV học tập GDQP-AN thực hiện như SV học các môn học khác, song do tính chất đặc thù của môn học nên SV học GDQP-AN vừa học tập lĩnh hội kiến thức mới vừa rèn luyện lễ tiết, tác phong, tính kỷ luật…

Tự học và tự nghiên cứu là một hình thức dạy học cơ bản nhất ở bậc ĐH. Đó là một hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành thực hiện ở trong lớp hoạc ở ngoài lớp, hoặc không theo chương trình sách giáo khoa đã quy định. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tự học, tự nghiên cứu của SV nhằm biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.

Quản lý hoạt động học, tự học của SV là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của chủ thể quản lý đến SV nhằm đạt mục tiêu của dạy học. Để quản lý tốt SV học tập công tác GDQP-AN, người CBQL cần thực hiện những nội dung sau:

- Tổ chức đánh giá chất lượng đầu vào của SV
- Xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế, quy định và nề nếp học tập
- Theo dõi việc học tập chuyên cần, việc thực hiện nội quy, quy chế cũng như việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của SV
- Phối hợp với nhà trường, CBGD, có những biện pháp quản lý đối với những SV vi phạm quy chế đào tạo, khuyến khích những SV có thái độ tích cực trong học tập.
- Phối hợp quản lý hoạt động tự học ngoài giờ và tạo điều kiện kích thích tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự quản lý của SV.
- Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của SV

Luận văn 24

- Tổ chức các hội thảo trao đổi kinh nghiệm quản lý hoạt động học của SV.

**1.4.4. Quản lý sự phối hợp giữa các lực lượng tham gia trong công tác GDQP-AN**

***a. Quản lý việc thực hiện kế hoạch hoạt động tham gia phối hợp***

Là sự tác động có tổ chức, có định hướng, phù hợp với quy luật khách quan của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm thực hiện kế hoạch hoạt động.

Các biện pháp CBQL thường sử dụng để quản lý kế hoạch dạy học và đảm bảo chất lượng quản lý việc thực hiện kế hoạch công tác:

- Ra các quyết định làm cho hoạt động diễn ra bình thường, thuận lợi theo đúng chương trình và đạt mục tiêu mong muốn.

- Động viên, khích lệ mọi người khi họ gặp khó khăn, có sự khen thưởng bằng vật chất nếu cần thiết.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh và sửa chữa (nếu có).

***b. Quản lý thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình tham gia phối hợp***

Là sự tác động có ý thức của CBQL tới khách thể quản lý nhằm thực hiện được mục tiêu, chương trình đề ra. Nội dung quản lý thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình học tập bao gồm:

- Chủ thể quản lý quán triệt sâu sắc mục tiêu, chương trình học tập.

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện mục tiêu, chương trình học tập.

- Thông qua các hình thức đa dạng khác nhau kiểm tra, giám sát thực hiện mục tiêu, chương trình học tập để chủ thể quản lý tác động đến nhận thức và hành động của các lực lượng tham gia phối hợp để họ cũng nhận thức đúng đắn về mục tiêu và chương trình môn học cần thực hiện và thực hiện đúng.

Luận văn 24

- Có các biện pháp phù hợp để quản lý việc thực hiện mục tiêu, chương trình học tập.

***c. Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả tham gia học tập của SV***

Kiểm tra, đánh giá là một bộ phận hợp thành, một khâu không thể thiếu trong quá trình dạy học. Đó là quá trình thu thập thông tin, xử lý thông tin về trình độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của SV. Nó là cơ sở để CBQL nắm bắt chất lượng dạy học, trên cơ sở đó để CBQL đề ra những giải pháp phù hợp giúp SV học tập tiến bộ.

CBQL chỉ đạo các lực lượng tham gia thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS-SV với những nội dung sau:

- Thống nhất cách đánh giá cho từng HP, từng nội dung đối với GV giảng dạy cùng một HP, nội dung.

- Có lịch kiểm tra và thi cho từng đợt học.

- Thực hiện đúng chế độ điểm danh, kiểm tra, đánh giá, tính điểm rèn luyện theo quy định, đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan.

- Chấm, trả bài đúng thời hạn.

- Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá theo quy định.

Trong trường hợp cần thiết, CBQL kiểm tra xác xuất kết quả học tập của SV để nắm được tình hình đào tạo của nhà trường.

### 1.4.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ khác

Quản lý CSVC, TBDH phục vụ công tác GDQP-AN chính là quản lý những nguồn lực quan trọng đảm bảo cho việc thực hiện đúng và đủ mục tiêu, chương trình đào tạo. Quản lý tốt CSVC, TBDH không chỉ là xây dựng kế hoạch tăng cường các trang thiết bị, vật tư thực hành mà quan trọng hơn là tổ chức thực hiện kế hoạch và chỉ đạo sao cho phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng trang thiết bị đó.

Luận văn 24

- Đội ngũ CBQL, giảng viên: Mỗi CBQL, GV có đủ năng lực của người vừa làm công tác chỉ huy quản lý, vừa làm công tác giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, vừa là người cha người anh của sinh viên trong giáo dục rèn luyện đạo đức, lối sống, đức tính cần cù ham học hỏi, tôn trọng tập thể và ý chí phấn đấu vươn lên trong khó khăn gian khổ.

- Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy học, thao trường, bãi tập…

- Nhận thức của một bộ phận sinh viên về vị trí, vai trò của công tác giáo dục QP-AN chưa đầy đủ: Tính tích cực của SV là nhân tố quyết định kết quả cuối cùng của quá trình giáo dục QP-AN cho SV, không ai có thể học thay và làm thay người học, mà phải bằng chính họ quyết định sự thành đạt của bản thân.

- Nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức học tập:

+ Nội dung, chương trình giáo dục QP-AN cho SV mang tính thiết thực, phù hợp sẽ kích thích động viên, thu hút được sự quan tâm của SV

+ Phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục: Phương pháp phát huy vai trò tích cực chủ động, sáng tạo của SV, huy động họ tham gia vào quá trình giáo dục, tự giáo dục để hoàn thiện nhân cách.

+ Hình thức tổ chức quản lý người học sẽ phát huy vai trò cá nhân người học, khai thác tiềm năng và trí tuệ của họ, giúp họ phát triển nhân cách theo yêu cầu xã hội.

- Hình thức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

- Những cơ chế, chính sách trong quản lý công tác GDQP-AN: nước ta vẫn ở tình trạng nước nghèo, kém phát triển, tình trạng này có liên quan đến việc củng cố, nâng cao tiềm lực QP, AN nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhằm bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Luận văn 24

*** Tiểu kết chương 1**

Nội dung chương 1, tác giả đã nghiên cứu và hệ thống hoá cơ sở lý luận về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý trường học, các chức năng quản lý, quản lý công tác GDQP-AN và xác định các khái niệm Quốc phòng, An ninh, Giáo dục Quốc phòng- An ninh, An ninh quốc gia…. Đồng thời, xác định tầm quan trọng của việc quản lý công tác GDQP-AN tại các trường Đại học, Cao đẳng.

Muốn đạt được kết quả cao trong công tác giáo dục QP-AN cho SV đòi hỏi phải có sự quản lý việc phối hợp giữa các lực lượng tham gia phối hợp tạo ra sự chủ động, phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục với nhau trong quá trình công tác, huy động được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng giáo dục. Trong việc quản lý phối hợp đó nhà trường đóng vai trò là vị trí trung tâm là cơ quan chuyên trách về giáo dục phải thực sự là hạt nhân của sự phối hợp là điều kiện bảo đảm cho các chủ thể giáo dục thống nhất với nhau về mục tiêu, nội dung, và phương pháp giáo dục, song đa dạng về biện pháp tác động, hình thức tổ chức và phương tiện giáo dục để phát huy những mặt mạnh, đồng thời hạn chế các mặt yếu của các chủ thể giáo dục nhằm đạt hiệu quả cao trong quá trình giáo dục QP-AN cho SV.

CBQL các trường ĐH, CĐ cần phải nắm vững các yêu cầu đổi mới của giáo dục ĐH, yêu cầu của công tác GDQP-AN trong tình hình mới để xây dựng các biện pháp quản lý  phù hợp nhằm đạt được mục tiêu của môn học.

Những vấn đề lý luận được đề cập ở Chương 1 là cơ sở để chúng tôi tiến hành nghiên cứu và là cơ sở cho tác giả khảo sát thực trạng vấn đề nghiên cứu ở chương 2 và góp phần đề xuất những biện pháp quản lý công tác GDQP-AN ở Phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai.

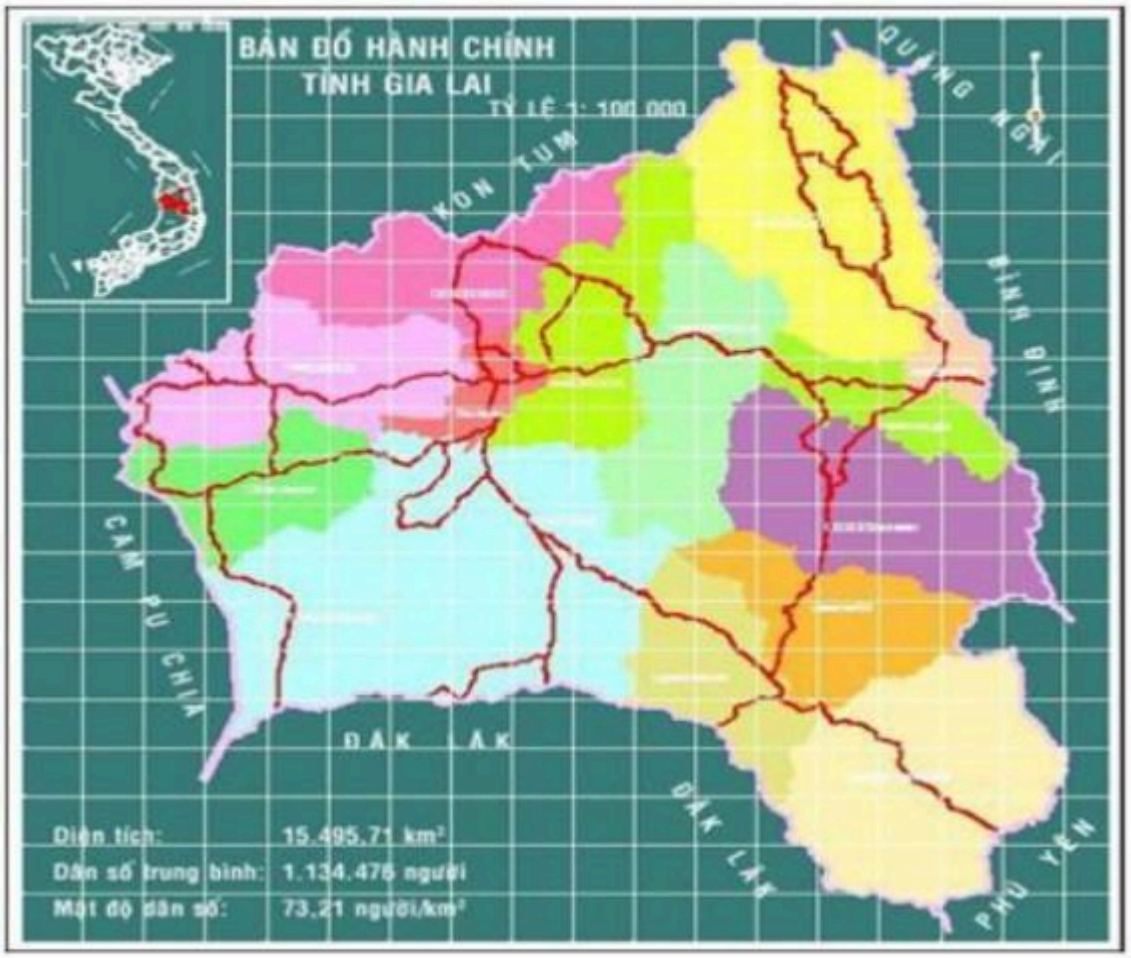
# CHƯƠNG 2
# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP - AN CHO SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM TẠI GIA LAI

## 2.1. KHÁI QUÁT VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÌNH HÌNH KINH TẾ- XÃ HỘI, GD-ĐT VÀ AN-QP TỈNH GIA LAI

### 2.1.1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên

Gia Lai là tỉnh miền núi biên giới ở Bắc Tây nguyên, trên độ cao trung bình 700 - 800 mét so với mực nước biển. Tỉnh Gia Lai trải dài từ 12°58'20" đến 14°36'30" vĩ Bắc, từ 107°27'23" đến 108°54'40" kinh Đông, phía Đông giáp Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên, phía Tây giáp Campuchia với hơn 90km đường biên giới quốc gia, phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, và phía Nam giáp tỉnh Đak Lak.

Gia Lai có 17 đơn vị hành chính, bao gồm: Thành phố Pleiku, Thị xã An Khê, Thị xã Ayun Pa và 14 huyện. Thành phố Plieku là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và là trung tâm thương mại của Tỉnh, nơi hội tụ của 2 Quốc lộ chiến lược của vùng Tây Nguyên là Quốc lộ 14 theo hương Bắc Nam và Quốc lộ 19 theo hướng Đông Tây; là điều kiện thuận lợi để giao lưu phát triển kinh tế - xã hội với vùng Duyên hải Nam Trung bộ, cả nước và Trung tâm khu vực tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia




**Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Gia lai**

(*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia lai, 2013*)

Tỉnh có diện tích tự nhiên 15.495,7 km$^2$. Địa hình của Gia Lai thấp dần từ Bắc xuống Nam và nghiêng từ Đông sang Tây, với các đồi núi, cao nguyên và thung lũng xen kẽ nhau khá phức tạp. Gia Lai thuộc vùng khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa, dồi dào về độ ẩm, có lượng mưa lớn, không có bão và sương muối. Khí hậu ở đây được chia làm 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Trong đó, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

### 2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

Gia Lai có gần 500.000 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, trong đó có hơn 291.000 ha đất trồng cây hàng năm và 208.000 ha cây lâu năm. Thành

phố Pleiku và các huyện phía Tây của tỉnh với loại đất chủ yếu là đất đỏ bazan phù hợp để trồng các loại cây công nghiệp như: cao su, hồ tiêu, cà phê,.....Các huyện phía Đông của tỉnh (An Khê, Kbang, Kông Chro, ĐakPơ, Ayunpa...) do chịu ảnh hưởng khí hậu của vùng đồng bằng giáp ranh (Bình Định, Phú Yên) nên thích hợp cho các loại cây trồng ngắn ngày và là vùng nguyên liệu mía chính cung cấp cho hai nhà máy đường An Khê và Ayun Pa với công suất 4.000 tấn mía cây/năm.

Theo điều tra dân số năm 2012, dân số tỉnh Gia Lai có 1.342.696 người, trong đó dân số sống tại thành thị đạt 394.197 người, dân số sống tại nông thôn đạt 948.499 người. Dân số nam đạt 685.553 người, trong khi đó nữ đạt 657.143 người. Theo thống kê của tổng cục thống kê Việt Nam, toàn tỉnh Gia lai có 38 dân tộc sinh sống, trong đó, người Kinh chiếm 52% dân số, còn lại là các dân tộc Jrai (33,5%), Ba Na (13,7%), Giẻ-triêng, Xơ-đăng, Cơ-ho, Thái, Mường...

### 2.1.3. Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo

Gia Lai là một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu. Đội ngũ giáo viên vẫn còn thiếu, đặc biệt là ở các xã vùng sâu, vùng xa. Được sự quan tâm của Nhà nước, những năm gần đây ngành giáo dục đã có nhiều chuyển biến, tiến bộ.

Theo Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, số liệu trường lớp và học sinh các cấp toàn tỉnh Gia Lai từ năm 2010 đến năm 2012 như sau:

***Bảng 2.1. Thống kê số trường, lớp, giáo viên và học sinh tại tỉnh Gia Lai.***

| Cấp học | Số trường | | | Số lớp học | | | Số giáo viên | | | Số học sinh | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 2010 | 2011 | 2012 | 2010 | 2011 | 2012 | 2010 | 2011 | 2012 | 2010 | 2011 | 2012 |
| Tiểu học | 250 | 260 | 267 | 5.997 | 6.025 | 6.097 | 6.742 | 7.070 | 7.378 | 150.9 | 155.53 | 159.38 |
| THCS | 181 | 188 | 197 | 2.558 | 2.558 | 2.589 | 5.036 | 5.092 | 5.170 | 87.10 | 89.550 | 89.840 |
| THPT | 38 | 40 | 41 | 999 | 1.020 | 1.029 | 2.131 | 2.111 | 2.137 | 42.60 | 42.760 | 41.600 |
| **Cộng** | **469** | **488** | **505** | **9.554** | **9.603** | **9.715** | **13.91** | **14.27** | **14.69** | **280.6** | **287.84** | **290.82** |

*Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, 2012*

Luận văn 24

Từ năm 2010 đến nay, mạng lưới trường lớp ở tỉnh Gia Lai được mở rộng đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trong tỉnh. Số lượng giáo viên và học sinh cũng liên tục tăng.

**2.1.4. Tình hình an ninh – quốc phòng**

Gia Lai là một tỉnh ở địa bàn Bắc Tây Nguyên, có vị trí quan trọng chiến lược về kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Với những đặc điểm chuyên biệt về địa hình, thổ nhưỡng, dân cư… ngay từ những ngày đầu thực hiện chiến lược xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã lợi dụng đặc điểm dân cư của địa phương, tiến hành "chia để trị", thực hiện chính sách chia rẽ "Kinh - Thượng" nhằm phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Sau khi Pháp thất bại, Mỹ tiếp tục đổ nhiều tiền của và trang bị nhiều phương tiện quân sự hiện đại cho chính phủ bù nhìn Ngô Đình Diệm để thực hiện chính sách "Diệt Cộng" ở Tây Nguyên, một mặt chúng đánh phá phong trào cách mạng, mặt khác chúng lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Một bộ phận người dân tộc thiểu số định cư ở nước ngoài tham gia vào các tổ chức chính trị đối lập hoặc hình thành các tổ chức phản động để chống phá Việt Nam. Trong đó, nổi lên là hoạt động chống phá của các tổ chức Fulro lưu vong do số người dân tộc thiểu số cầm đầu. Được sự hậu thuẫn của Mỹ và các thế lực thù địch, số Fulro lưu vong đã kích động quần chúng trong nước, tạo dựng ngọn cờ, tập hợp lực lượng tiến hành 2 cuộc biểu tình – bạo loạn của người dân tộc thiểu số vào các năm 2001, 2004. Sau 2 cuộc biểu tình này, số người dân tộc thiểu số trốn khỏi địa phương vượt biên sang Campuchia để được Liên hiệp quốc cho đi định cư tại nước thứ 3.

Bên cạnh mặt tích cực, thời gian qua các thế lực thù địch và bọn phản động lưu vong đã lợi dụng chủ trương miễn thị thực nhập cảnh và thủ tục cải cách hành chính trong hoạt động xuất cảnh để đưa người xâm nhập về nước

Luận văn 24

hoạt động thu thập tin tức tình báo, gặp gỡ, chỉ đạo cơ sở, tiếp xúc các phần tử chống đối chính trị ở địa phương nhằm móc nối, tập hợp lực lượng, kích động gây rối, gây bạo loạn, tuyên truyền phát triển Đạo trái phép. Đặc biệt là hoạt động đưa người về nước để chỉ đạo, chuyển giao tài liệu, gây dựng cơ sở, củng cố niềm tin cho số cơ sở ngầm Fulro ở trong nước tiếp tục hoạt động chống phá Nhà nước gây phức tạp tình hình an ninh chính trị tại địa phương ; hoạt động móc nối tuyên truyền đạo trái phép của tổ chức "Trà Đàm Dân Chủ"; hoạt động móc nối, lôi kéo người vào tổ chức phản động "Đảng Vì Dân", "Đảng người Việt yêu người Việt"…

Tuy nhiên, với những đặc điểm về lịch sử, điều kiện tự nhiên, dân tộc, dân cư, văn hoá, xã hội, sự chống phá nhiều mặt của các thế lực thù địch, vấn đề xây dựng "thế trận lòng dân" vững mạnh gắn với thế trận quốc phòng toàn dân ở Tây Nguyên nói chung và Gia lai nói riêng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Thực tiễn cho thấy, phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo, xây dựng thế trận quốc phòng, thế trận an ninh vững mạnh từ các buôn làng là kinh nghiệm và bài học quan trọng để xây dựng thế trận "quốc phòng toàn dân" gắn với "thế trận lòng dân" trên địa bàn Tỉnh nhà. "Thế trận lòng dân" đã được xây dựng trên nền tảng kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, cách mạng của đồng bào các dân tộc thiểu số, niềm tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ; tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

## 2.2. KHÁI QUÁT VỀ PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM TẠI GIA LAI

Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Gia Lai được thành lập theo Quyết định số 2539/QĐ-BGDDT ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Luận văn 24

### 2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ

Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Gia Lai có nhiệm vụ:

- Đào tạo nguồn nhân lực ở trình độ đại học, cao học;
- Tổ chức nghiên cứu, triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ trực tiếp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Tham gia thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên và nâng cao dân trí;
- Tích cực tham gia chuẩn bị các điều kiện cho việc thành lập một trường Đại học ở Gia Lai sau này.

### 2.2.2. Cơ cấu tổ chức




**Hình 2.2. Sơ đồ bộ máy quản lý**

+ ***Về Nhân sự:*** Tính đến tháng 12/2014 tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu của phân hiệu là 57 người, trong đó 37 nữ, 20 nam.

Phó GS: 2; Tiến sĩ: 2; Thạc sĩ: 33; Đại học: 19; Cao đẳng: 1

+ ***Về Sinh viên:*** Số lượng SV Đại học chính quy đến thời điểm hiện tại là 1.410 SV, phân bố theo 7 ngành học: Quản lý đất đai & BĐS, Nông học, Lâm nghiệp, Kế toán, Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm, Thú y và Quản lý môi trường.

***Bảng 2.2. Kết quả tuyển sinh 5 năm gần đây***

| STT | Năm học | Số lượng SV ĐH chính quy |
|---|---|---|
| 1 | 2010-2011 | **173** |
| 2 | 2011-2012 | **299** |
| 3 | 2012-2013 | **149** |
| 4 | 2013-2014 | **581** |
| 5 | 2014-2015 | **381** |

*Nguồn: Số liệu từ phòng Quản lý Đào tạo*

## 2.3. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT

### 2.3.1. Mục đích điều tra

Để có cơ sở khoa học xác định, tác giả phân tích và đánh giá thực trạng quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên phân hiệu trường Đại học Nông lâm TP.HCM tại Gia lai. Trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDQP-AN cho sinh viên, đề tài được tiến hành điều tra đối với GV và CBQL của trường Quân sự địa phương Tỉnh Gia lai, GV và CBQL của phân hiệu, các lực lượng tham gia phối hợp và SV tại phân hiệu Gia lai.

### 2.3.2. Nội dung và đối tượng điều tra

Để đánh giá được đúng thực trạng quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên phân hiệu Gia lai, tôi đã phát 03 mẫu phiếu khảo sát ý kiến cho các đối tượng sau:

- CBQL, GV của Trường quân sự địa phương Tỉnh Gia lai và các lực lượng tham gia phối hợp giảng dạy GDQP-AN cho SV: 22 người
- CBQL, GV Phân hiệu Gia lai: 18 người
- Sinh viên phân hiệu Gia lai: Sinh viên năm thứ nhất là 95 người, sinh viên năm thứ 2 là 57 người và sinh viên năm 3 là 48 người.

### 2.3.3. Phương pháp điều tra

- Tổng hợp tài liệu: Các tài liệu liên quan đến những vấn đề về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý công tác GDQP-AN.
- Phân tích dữ liệu: Thu thập và phân tích các số liệu thu thập được
- Điều tra, phát phiếu khảo sát: Điều tra CBQL, GV, Lực lượng tham gia; CBQL, GV và SV của phân hiệu. Tác giả chọn các đối tượng có liên quan đến các nội dung quản lý công tác GDQP-AN là CBQL, GV và SV. Tổng số phiếu phát ra cho CBQL và GV là 40 phiếu và SV là 200 phiếu.

### 2.3.4. Xử lý kết quả điều tra

Dùng phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu.

## 2.4. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GDQP-AN CHO SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM TẠI GIA LAI

### 2.4.1. Thực trạng việc thực hiện mục tiêu công tác GDQP-AN cho SV

GDQP-AN là môn học được pháp luật quy định, thể hiện đường lối giáo dục của Đảng, thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, nhằm giúp cho HS-SV thực hiện mục tiêu "hình thành và bồi dưỡng

nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [28, tr 17].

Về thực trạng thực hiện mục tiêu, qua trao đổi, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo khoa học ở tổ bộ môn, phân hiệu…, hầu như tất cả cán bộ giảng viên, sinh viên đều cho rằng mục tiêu của GDQP-AN cho sinh viên: "GDQP-AN góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; có kỹ năng quân sự để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" đã phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

### 2.4.2. Thực trạng nội dung, chương trình công tác GDQP-AN

Chương trình GDQP-AN cho sinh viên theo Thông Tư số 31/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 12 tháng 9 năm 2012 về ban hành chương trình GDQP-AN cho SV trình độ Đại học, Cao đẳng có nhiều đổi mới so với những năm trước, phù hợp với đối tượng đào tạo và yêu cầu đổi mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian qua, phân hiệu Trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai tổ chức thực hiện nội dung chương trình môn học cho sinh viên nghiêm túc. Thực hiện đúng chương trình GDQP-AN được ban hành kèm theo Thông tư số: 31/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bao gồm 8 tín chỉ, trong đó: Học phần Đường lối quân sự 3 tín chỉ; học phần Công tác quốc phòng và an ninh 2 tín chỉ; học phần quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn sung tiểu liên AK 3 tín chỉ.

Luận văn 24

Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực của giáo trình thì nội dung chương trình của môn GDQP-AN có phần thiên về các kiến thức xã hội và nhân văn, đôi khi còn nặng về quan điểm chính trị, hạn chế về hàm lượng khoa học. Chính vì vậy, môn học đôi lúc còn khô khan, chưa có sức thuyết phục cao đối với những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Các nội dung truyền tải còn mang tính hình thức rập khuôn, trích dẫn. Vì thế cần phải đổi mới nội dung, chương trình môn học GDQP-AN trong thời gian tới để khắc phục tối đa những hạn chế trên.

**2.4.3. Thực trạng hình thức và phương pháp GDQP-AN cho SV**

Cùng với tuyên truyền, giáo dục cho sinh viên các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, Phân hiệu Gia lai còn tập trung tuyên truyền về các văn bản pháp luật, như: Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên, Bộ Luật hình sự, Bộ luật Lao động... Đồng thời, vạch trần mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch trên địa bàn, nhất là những vấn đề về dân tộc, tôn giáo để nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho các tầng lớp nhân dân. Bên cạnh các nội dung trên, nhà trường còn phối hợp với các đoàn thể tổ chức lồng ghép các hình thức tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giao lưu, kết nghĩa... chú trọng việc tuyên truyền, tham quan các địa điểm căn cứ cách mạng trước đây để khơi dậy và giáo dục tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, truyền thống cách mạng của quê hương. Qua đó, xây dựng ý thức, trách nhiệm của sinh viên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Có thể nói, qua công tác giáo dục kiến thức QP-AN đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và trách nhiệm của SV đối với nhiệm vụ quốc

Luận văn 24

phòng an ninh. Song phải thừa nhận thực tế rằng có một bộ phận không nhỏ SV và một số ít GV có biểu hiện xem nhẹ, coi thường công tác này. Việc nhận thức như vậy chắn chắn sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập. GV không toàn tâm toàn ý cho môn học, còn SV thì học để đối phó. Vì vậy cần có biện pháp để khắc phục tình trạng này, biện pháp nâng cao nhận thức về công tác GDQP-AN cho CBQL, GV và sinh viên. Cần đẩy mạnh tuyên truyền GDQP-AN một cách sâu rộng, khơi dậy tinh thần trách nhiệm của tất cả mọi người đối với việc học tập, nghiên cứu môn học này.

Về mặt phương pháp GDQP-AN cho SV, thực tế hoạt động của công tác này tại Phân hiệu Gia lai, các lớp học lý thuyết là lớp ghép với số lượng lớn SV, điều này ảnh hưởng đến các phương pháp dạy học tích cực. Qua khảo sát cho thấy GV thường sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp là chủ yếu. Những phương pháp như làm việc theo cặp, thảo luận nhóm, báo cáo seminer…rất ít khi được GV sử dụng. Điều này có ảnh hưởng lớn đến động cơ, niềm say mê hứng thú trong học tập của SV.

### 2.4.4. Thực trạng các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN

***a. Thực trạng CSVC phục vụ công tác GDQP-AN***

Hiện nay, Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia Lai đang đóng chân trong khuôn viên trường Cao Đẳng sư phạm Gia Lai. Vì vậy, phân hiệu Gia Lai sử dụng CSVC của Trường CĐSP theo sự chỉ đạo của UBND Tỉnh. Công tác GDQP-AN của phân hiệu và của Trường CĐ thường được bố trí lệch học kỳ, xen kẽ lịch với nhau để tận dụng CSVC của nhà trường. Đến nay, hạ tầng cơ sở phục vụ cho công tác dạy và học tất cả các môn nói chung và công tác GDQP-AN nói riêng vẫn đang được UBND Tỉnh tiếp tục đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ giáo dục của nhà trường. Đến nay nhà trường đã có một CSVC, trang thiết bị dạy học tương đối lớn và đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học môn GDQP-AN như các giảng đường có sức chứa hơn

Luận văn 24

200 SV, nhà đa chức năng, sân vận động trường, sân bãi tập, hội trường, thư viện...

Về vật chất dạy học, phía đơn vị liên kết đào tạo là trường quân sự địa phương Tỉnh đảm bảo có đầy đủ trang thiết bị để dạy cho SV như súng AK, khẩu trung liên, súng chống tăng, máy bắn tập, lựu đạn tập, ống nhòm quân sự...

Tuy nhiên, vì phân hiệu Gia Lai chưa có cơ sở riêng, còn nhờ CSVC của trường CĐSP Gia Lai nên đôi lúc còn bị động, lúng túng trong việc phân lịch học cho SV, lịch hội thao, hội diễn văn nghệ...

***b. Thực trạng việc phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng tham gia***

Sự phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội tham gia công tác GDQP-AN có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng giáo dục SV. Điều 93 Luật Giáo dục 2005 khẳng định "Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục". Trong những năm gần đây, công tác GDQP-AN cho SV đã được đổi mới nội dung và phương pháp thực hiện và thu được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, cùng với sự biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội và những tác động mặt trái của kinh tế thị trường, công tác này còn bộc lộ những mặt hạn chế, yếu kém nhất định. Thực tiễn cho thấy, những tồn tại, hạn chế trong công tác GDQP-AN thể hiện ở những điểm sau:

- Đội ngũ giáo viên phụ trách công tác giáo dục QP-AN còn thiếu, chưa được đào tạo bài bản.

- Ngân sách cấp cho công tác này chưa được ưu tiên.

- Cơ chế phối hợp giữa các đơn vị tham gia và nhà trường chưa được thể chế hóa nên nhà trường thiếu chủ động trong việc đưa ra chủ trương và giải quyết các vấn đề cụ thể của công tác GDQP - AN.

Luận văn 24

## 2.5. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN CHO SV PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM TẠI GIA LAI

### 2.5.1. Thực trạng quản lý mục tiêu công tác GDQP-AN

Tác giả đã khảo sát bằng phiếu trưng cầu ý kiến số 1 và 2 (phụ lục). Đối tượng SV, phát ra 220 phiếu thu về 200 phiếu. CBQL, GV phát ra 40 phiếu thu về 40 phiếu.

***Bảng 2.3. Thực trạng quản lý mục tiêu công tác GDQP-AN***

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| | | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) |
| 1 | Công tác GDQP-AN cho SV đã thực hiện được nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trước yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN | 173 | 72,1 | 67 | 27,9 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | SV có kiến thức cơ bản về đường lối QP-AN và công tác quản lý nhà nước về QP-AN | 206 | 85,8 | 34 | 14,2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ GV, CBQL, SV đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ môn học đề ra | 141 | 58,8 | 60 | 25 | 36 | 15 | 3 | 1,2 |
| 4 | GDQP-AN đã rèn luyện cho SV ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác và tính cộng đồng trách nhiệm cao | 219 | 91,2 | 21 | 8,8 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Công tác GDQP-AN đã góp phần bồi dưỡng, hướng dẫn các phương pháp học tập tích cực cho SV | 188 | 78,3 | 43 | 18 | 9 | 3,7 | 0 | 0 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

Qua khảo sát bảng 2.3 cho thấy kết quả phản ánh như sau:

- Về "Công tác GDQP-AN cho SV đã thực hiện được nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trước yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN" cho thấy rằng trong những năm qua nhà trường đã thực hiện được khá tốt công tác GDQP-AN cho SV.

- Về "Công tác GDQP-AN cho SV có kiến thức cơ bản về đường lối QP-AN và công tác quản lý nhà nước về QP-AN" cũng được đánh giá khá cao. Như vậy công tác giáo dục cho SV có kiến thức cơ bản về QP-AN đã được nhà trường làm khá tốt trong thời gian vừa qua.

- Về mặt nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ GV, CBQL,SV đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ môn học đề ra có 141 phiếu đánh giá tốt chiếm tỉ lệ 58,8%; 60 phiếu đánh giá khá chiếm 25%; 36 phiếu đánh giá trung bình chiếm 15% và 3 phiếu đánh giá yếu chiếm 1,2%. Kết quả này cho thấy rằng về mặt nhận thức, trách nhiệm của GV, CBQL, SV còn hạn chế.

- "Công tác GDQP-AN đã rèn luyện cho SV ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác và tính cộng đồng trách nhiệm cao" cho thấy nhà trường đã làm rất tốt việc rèn luyện ý thức cho SV.

- Về "Công tác GDQP-AN đã góp phần bồi dưỡng, hướng dẫn các phương pháp học tập tích cực cho SV" được đánh giá tốt, cho thấy hiệu quả từ công tác GDQP-AN mang lại cho SV tương đối cao.

### 2.5.2. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN cho SV

Kết quả đánh giá việc quản lý thực hiện nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN được tác giả khảo sát ở 40 CBQL, GV và 200 SV được thể hiện cụ thể ở các bảng: quản lý hoạt động học của SV, quản lý nội dung chương trình và quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV.

Luận văn 24

*a. Thực trạng quản lý hoạt động học của SV*

***Bảng 2.4. Thực trạng quản lý hoạt động học của SV***

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| | | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) |
| 1 | Tổ chức SV học tập quy chế, quy định học tập. | 174 | 72,5 | 66 | 27,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Xây dựng quy định về nề nếp học tập trên lớp của SV | 186 | 77,5 | 54 | 22,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Bồi dưỡng, hướng dẫn các phương pháp học tập tích cực cho SV | 126 | 52,5 | 102 | 42,5 | 12 | 5 | 0 | 0 |
| 4 | Tổ chức, chỉ đạo GV thực hiện giao nhiệm vụ tự học cho SV và kiểm tra kết quả tự học của SV | 18 | 7,5 | 132 | 55 | 78 | 32,5 | 12 | 5 |
| 5 | Yêu cầu SV đọc tài liệu tham khảo để mở rộng kiến thức | 138 | 57,5 | 78 | 32,5 | 24 | 10 | 0 | 0 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

Hoạt động học của SV là hoạt động đồng thời với hoạt động dạy của GV. Kết quả đào tạo không chỉ phụ thuộc vào chất lượng giảng dạy của GV mà còn phụ thuộc vào chất lượng học tập của SV. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của SV bao gồm quản lý hoạt động học trên lớp, tự học và các hoạt động ngoại khóa khác.

Tiêu chí ở bảng 2.4 "Tổ chức SV học tập quy chế, quy định học tập", "Xây dựng quy định về nề nếp học tập trên lớp của SV" được CBQL, GV và SV đánh giá tốt chiếm tỉ lệ rất cao 72,5% và 77,5%. Điều này cho thấy SV

trước khi vào học chính khóa đầu mỗi năm học đều đươc nhà trường tạo điều kiện cho tham gia lớp "Tuần sinh hoạt công dân". Tại đây SV được học quy chế, quy định, nề nếp học tập bao gồm đi học đúng giờ, học bài và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp, thái độ tập trung nghe giảng, ghi chép bài vở, thái độ trung thực trong thi cử… Để đánh giá về nề nếp học tập trên lớp của SV, nhà trường phối hợp với GV bộ môn và GV chủ nhiệm quản lý chặt chẽ sĩ số từng tiết học, quản lý việc học tập và làm bài của SV.

Tiêu chí 4 "Tổ chức, chỉ đạo GV thực hiện giao nhiệm vụ tự học cho SV và kiểm tra kết quả tự học của SV" cho ta thấy: CBQL chưa tổ chức, chỉ đạo GV thực hiện giao nhiệm vụ tự học cho SV và kiểm tra kết quả tự học của SV. Với kết quả 32,5% phiếu trả lời ở mức trung bình và 5% phiếu đánh giá ở mức yếu, điều này lý giải vấn đề buông lỏng chỉ đạo thực hiện vấn đề tự học cho SV.

Tiêu chí 5 "yêu cầu SV đọc tài liệu tham khảo để mở rộng kiến thức" vẫn còn 10% phiếu đánh giá việc này được thực hiện ở mức trung bình. Điều này cho thấy, GV ngoài việc lên lớp truyền tải kiến thức thì còn phải hướng dẫn cho SV phương pháp học tập, giới thiệu những tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học để SV có hướng nghiên cứu tài liệu cho đúng.

Luận văn 24

***b. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN***

***Bảng 2.5. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN***

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| | | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) |
| 1 | Nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN hiện nay đã đáp ứng được nhiệm vụ môn học đề ra | 13 | 32,5 | 22 | 55 | 5 | 12,5 | 0 | 0 |
| 2 | Kiểm tra việc lập kế hoạch giảng dạy của tổ chuyên môn và GV giảng dạy | 4 | 10 | 9 | 22,5 | 19 | 47,5 | 8 | 20 |
| 3 | GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực, sử dụng PTDH phù hợp từng nội dung bài giảng | 11 | 27,5 | 29 | 72,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tổ chức dạy đủ các học phần. Theo dõi, kiểm tra việc GV thực hiện đúng, đủ chương trình | 33 | 82,5 | 7 | 17,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Tổ chức rút kinh nghiệm đánh giá thực hiện nội dung chương trình. GV dạy sai chương trình được xử lý nghiêm túc | 3 | 7,5 | 25 | 62,5 | 6 | 15 | 6 | 15 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 2.5 cho thấy vấn đề trưng cầu về nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN đối với 40 CBQL, GV hiện nay đã đáp ứng được nhiệm vụ môn học đề ra, được đánh giá khá tốt chiếm 87,5%. Tuy nhiên vẫn còn tỉ lệ 12,5% phiếu đánh giá ở mức độ trung bình, điều này cho thấy nội dung chương trình giảng dạy và kế hoạch công tác đôi lúc còn chưa phù hợp với thực tế nhà trường.

Kiểm tra việc lập kế hoạch giảng dạy của tổ bộ môn và GV ở mức độ đánh giá thực hiện chỉ 32,5% tốt và khá. Chứng tỏ còn tình trạng CBQL kiểm tra sơ sài, chưa thực sự có kế hoạch cụ thể nên 47,5% đánh giá mức trung bình và 20% mức yếu. Điều này cho thấy CBQL của phân hiệu Gia lai còn xem nhẹ việc kiểm tra lập kế hoạch của GV và tổ chuyên môn.

Đối với 2 tiêu chí: GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực, sử dụng phương tiện dạy học phù hợp từng nội dung bài giảng và tổ chức dạy đủ các học phần, theo dõi kiểm tra GV thực hiện đúng chương trình được thực hiện khá tốt với tỉ lệ rất cao. Trên cơ sở đó cần phát huy hơn nữa các tiêu chí này để nâng cao chất lượng công tác GDQP-AN trong nhà trường.

Tiêu chí: Tổ chức rút kinh nghiệm đánh giá thực hiện nội dung chương trình. GV dạy sai chương trình được xử lý nghiêm túc. Tiêu chí này thể hiện rõ một số CBQL, GV vẫn còn xem nhẹ việc đánh giá rút kinh nghiệm khi có đến 30% phiếu đánh giá ở mức trung bình và yếu. Có thể thấy để công tác GDQP-AN thực sự có hiệu quả, CBQL phải thường xuyên kiểm tra quá trình giảng dạy của GV thông qua các phương tiện hỗ trợ như sổ đầu bài, sổ dự giờ, phiếu báo giảng,...Đồng thời phải thường xuyên tổ chức các buổi đánh giá định kỳ về việc thực hiện kế hoạch, nội dung chương trình công tác. Thống kê các mặt đã làm được và chưa làm được để từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng công tác GDQP-AN.

Luận văn 24

***c. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV***

Tác giả đã khảo sát 40 CBQL và 200 SV với cùng nội dung đánh giá, kết quả thu được như sau:

***Bảng 2.6. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV***

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| | | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) |
| 1 | Tổ chức kiểm tra, thi hết môn theo đúng quy chế | 222 | 92,5 | 18 | 7,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Kiểm tra, thi hết môn theo hệ thống ngân hàng đề thi | 192 | 80 | 48 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra để kích thích tinh thần học tập của SV | 96 | 40 | 144 | 60 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Việc chấm, trả bài đúng tiến độ | 78 | 32,5 | 162 | 67,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Phân tích kết quả học tập định kỳ của SV | 18 | 7,5 | 96 | 40 | 96 | 40 | 30 | 12,5 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một trong những nhiệm vụ quan trọng của GV. Quản lý tốt việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV sẽ góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng công tác GDQP-AN.

Theo kết quả điều tra bằng bảng 2.6, tiêu chí 1, 2, 3, 4 được CBQL, GV và SV đánh giá là thực hiện tốt và khá. Việc thành lập ngân hàng câu hỏi giúp cho người quản lý lựa chọn đề thi một cách khách quan, giảm thiểu tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá. Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra cũng là một hình thức kích thích tinh thần học tập của SV, tạo cho SV niềm say mê hứng

Luận văn 24

thú trong học tập. Công tác chấm trả bài đúng tiến độ cũng giúp cho CBQL có thể kiểm tra định kỳ hàng tháng để biết từng GV có sổ điểm dựa theo yêu cầu của kế hoạch công tác đề ra hay không.

Tuy nhiên, trong tiêu chí thứ 5, hoạt động phân tích kết quả học tập định kỳ của SV chỉ có 47,5% CBQL, GV và SV đánh giá là khá và tốt. Các ý kiến còn lại chủ yếu đánh giá ở mức trung bình và có đến 12,5% đánh giá yếu. Điều này cho thấy kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một điều tất yếu trong giảng dạy, tuy nhiên nếu chỉ dừng ở mức độ kiểm tra, đánh giá thôi thì vẫn chưa đủ mà nhà trường cần phải phân tích kết quả học tập định kỳ của SV nhằm tìm ra nguyên nhân và đưa ra các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng học tập của SV.

**2.5.3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy cấp chứng chỉ GDQP-AN của đơn vị liên kết đào tạo**

Trường Quân sự Tỉnh Gia lai được nhà trường chọn làm đơn vị hợp đồng liên kết đào tạo, cấp chứng chỉ GDQP-AN cho SV phân hiệu Gia lai từ khi phân hiệu được thành lập cho đến nay.

Tác giả đã khảo sát 40 CBQL, GV của cả 2 đơn vị nhà trường và kết quả thu được như sau:

***Bảng 2.7. Thực trạng quản lý hoạt động dạy cấp chứng chỉ GDQP-AN của đơn vị liên kết đào tạo***

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| | | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) |
| 1 | Nhà trường phối hợp với đơn vị liên kết đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu dạy học của nhà trường | 40 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Sử dụng phương tiện DH tích cực. Thay đổi pp giảng dạy khi SV không hứng thú bài học | 32 | 80 | 8 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Tổ chức dự giờ và đánh giá rút kinh nghiệm | 9 | 22,5 | 26 | 65 | 5 | 12,5 | 0 | 0 |
| 4 | Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV | 16 | 40 | 19 | 47,5 | 3 | 7,5 | 2 | 5 |
| 5 | Cung cấp cho nhau thông tin về tình hình đào tạo của nhà trường | 35 | 87,5 | 5 | 12,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

Tiêu chí 1 ở bảng 2.7 "Nhà trường phối hợp với đơn vị liên kết đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu dạy học của nhà trường" được CBQL và GV đánh giá tốt với số lượng 100%. Điều này thể hiện về phía nhà trường và đơn vị liên kết đều quyết tâm thực hiện mục tiêu chung của nhà trường

Tiêu chí 2 và 5 được CBQL và GV đánh giá là khá và tốt, không có đánh giá nào ở mức trung bình. Điều này cho thấy CBQL luôn kịp thời chỉ đạo,

điều hành hoạt động của nhà trường, GV luôn sáng tạo đề ra nhiều phương pháp dạy học tích cực sao cho có hiệu quả nhất, nâng cao chất lượng môn học. Về phía nhà trường và đơn vị liên kết đào tạo thường xuyên có những buổi họp để trao đổi về tình hình học tập của SV cũng như đề ra những biện pháp kịp thời khắc phục những mặt hạn chế trong quá trình phối hợp.

Tuy nhiên ở tiêu chí 3 và 4 thể hiện công tác dự giờ để rút kinh nghiệm và công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV chưa được thực hiện đúng mức, có 12,5% phiếu đánh giá ở mức trung bình và 5% đánh giá ở mức yếu. Kết quả này cho thấy có một số CBQL, GV còn xem nhẹ môn học, cho đấy là môn điều kiện không lấy điểm vào bảng điểm tổng kết của SV. Công tác ra đề và chấm thi là do trường quân sự Tỉnh đảm nhận, phân hiệu chỉ tham gia phần coi thi và cắt phách bài thi do đó kết quả của công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV chưa được đánh giá cao.

**2.5.4. Thực trạng quản lý các lực lượng phối hợp tham gia công tác GDQP-AN cho SV**

Ngoài đơn vị hợp đồng liên kết đào tạo là Trường quân sự Tỉnh, lực lượng phối hợp với nhà trường làm công tác GDQP-AN còn có những đơn vị tham gia khác như phòng PA83- Công an Tỉnh Gia lai, Tỉnh đoàn Gia lai...Để khảo sát thực trạng quản lý các lực lượng này tác giả đã khảo sát 40 CBQL, GV và 200 SV, kết quả thu được như sau:

***Bảng 2.8. Thực Trạng quản lý các lực lượng phối hợp tham gia công tác GDQP-AN cho SV***

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| | | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) |
| 1 | Cụ thể hóa nhiệm vụ công tác GDQP-AN cho các lực lượng tham gia | 206 | 85,8 | 34 | 14,2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Huy động các lực lượng XH có chuyên môn về công tác GDQP-AN xây dựng chương trình, giáo trình công tác | 146 | 60,8 | 94 | 39,2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDQP-AN cho SV | 31 | 12,9 | 194 | 80,8 | 15 | 6,3 | 0 | 0 |
| 4 | Phối hợp tổ chức giao ban công tác GDQP-AN định kỳ giữa nhà trường và các lực lượng phối hợp | 172 | 71,7 | 61 | 25,4 | 7 | 2,9 | 0 | 0 |
| 5 | CBQL, SV phản hồi về trình độ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của CBGV được mời tham gia phối hợp | 101 | 42,1 | 139 | 57,9 | 0 | 0 | 0 | 0 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

Các tiêu chí "Cụ thể hóa nhiệm vụ công tác GDQP-AN cho các lực lượng tham gia", "Huy động các lực lượng XH có chuyên môn về công tác

GDQP-AN xây dựng chương trình, giáo trình công tác", "Đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDQP-AN cho SV" được CBQL, GV và SV đánh giá khá cao. Mỗi đơn vị tham gia với nhà trường đều có chung mục tiêu và nhiệm vụ là giáo dục kiến thức bổ ích về QP-AN cho SV. Phòng An ninh chính trị nội bộ - PA83 làm tốt công tác giáo dục cho SV về chủ quyền biển đảo quê hương, giáo dục an ninh chính trị học đường, giáo dục cho SV tránh xa các tệ nạn xã hội. Tỉnh đoàn phối hợp với Đoàn thanh niên nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt cho SV học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM, tổ chức các cuộc thi về chủ quyền biển đảo, biên giới Việt nam…

Tuy nhiên cũng còn tỉ lệ 6,3% đánh giá trung bình về đa dạng hóa nội dung, hình thức GDQP-AN cho SV. Điều này đòi hỏi nhà trường cần quan tâm hơn nữa các hình thức học tập khác ngoài giờ lên lớp cho sv như tổ chức ngoại khóa tại bảo tàng Tỉnh, nhà lao, nhà lưu niệm tỉnh…để SV hiểu rõ hơn quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Tiêu chí 4 và 5 "Phối hợp tổ chức giao ban công tác GDQP-AN định kỳ giữa nhà trường và các lực lượng phối hợp", "CBQL, SV phản hồi về trình độ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của CBGV được mời tham gia phối hợp" cũng được CBQL, GV và SV đánh giá tốt và khá chiếm tỉ lệ cao. Đối với mỗi môn học, mỗi GV giảng dạy, nhà trường đều phát phiếu thông tin phản hồi từ người học (Feedback) đến SV. Giảng viên cần có sự nhận xét, đóng góp ý kiến từ nhiều nguồn tin khác nhau thì việc đổi mới phương pháp giảng dạy mới thực sự đúng nghĩa và có hiệu quả. Một trong những nguồn thông tin quan trọng, không thể thiếu nhằm giúp giảng viên có thể điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình chính là ý kiến phản hồi của người học.

Luận văn 24

### 2.5.5. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN cho SV

***a. Khảo sát đối với CBQL, GV***

***Bảng 2.9. Khảo sát CBQL, GV về thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN cho SV***

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| | | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) |
| 1 | CSVC, trang TBDH phục vụ cho công tác GDQP-AN đã được trang bị đầy đủ | 2 | 5 | 15 | 37,5 | 17 | 42,5 | 6 | 15 |
| 2 | Thường xuyên thống kê, báo cáo kịp thời về số lượng, chất lượng của CSVC phục vụ công tác GDQP-AN | 21 | 52,5 | 19 | 47,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và làm tốt công tác khen thưởng, kỷ luật đối với việc bảo quản, sử dụng, giữ gìn CSVC | 8 | 20 | 20 | 50 | 12 | 30 | 0 | 0 |
| 4 | Tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học | 7 | 17,5 | 10 | 25 | 20 | 50 | 3 | 7,5 |
| 5 | Chế độ chính sách đãi ngộ, bồi dưỡng cho GV và các lực lượng tham gia hỗ trợ GDQP-AN đã được đảm bảo | 4 | 10 | 36 | 90 | 0 | 0 | 0 | 0 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

Các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN như CSVC, TBDH, PTDH...là công cụ lao động của người GV, công cụ nhận thức, tập luyện nâng cao kỹ năng kỹ xảo của SV và đồng thời là sự cụ thể hóa, mô hình hóa nội dung GDQP-AN. Để khảo sát thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ này, tác giả đã phát phiếu điều tra nội dung câu hỏi CBQL, GV khác với SV và kết quả thu được như bảng 2.9 trên.

Qua khảo sát 40 CBQL, GV ở tiêu chí 1 "CSVC, trang TBDH phục vụ cho công tác GDQP-AN đã được trang bị đầy đủ" được đánh giá tốt chỉ 5%, khá 37,5%, trung bình 42,5% và yếu chiếm 15%. Điều này phản ánh thực trạng CSVC hiện tại của nhà trường còn thiếu vì phân hiệu Gia lai dùng chung CSVC với trường CĐSP Gia lai. Từ thực tế này, CBQL nhà trường nên quan tâm và phối hợp với trường CĐSP Gia lai để đảm bảo CSVC cho hoạt động dạy học môn GDQP-AN. Trên thực tế, CBQL vẫn có kế hoạch đề nghị bổ sung, mua sắm thêm thiết bị tuy nhiên do đặc thù phân hiệu Gia lai chuẩn bị xây cơ sở mới nên việc mua sắm có khó khăn.

Công tác đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và làm tốt công tác khen thưởng, kỷ luật đối với việc bảo quản, sử dụng, giữ gìn CSVC có đến 30% số ý kiến đánh giá ở mức độ trung bình. Điều này phản ánh công tác quản lý CSVC còn lỏng lẻo, chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc bảo quản giữ gìn CSVC, TBDH. Đây là một trong những trở ngại lớn đối với CBQL, GV và SV, vì muốn nâng cao hiệu quả dạy học thì CSVC phải được sử dụng hiệu quả dưới sự điều khiển của những GV đã được bồi dưỡng sử dụng tốt. Có sử dụng tốt CSVC thì người GV mới giải quyết tốt mối quan hệ giữa nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học từ đó nâng cao chất lượng dạy học. Bên cạnh đó để khuyến khích GV, SV sử dụng có hiệu quả CSVC thì công tác tổng kết, khen thưởng, kỷ luật phải được tiến hành thường xuyên theo kế hoạch cụ thể. Mọi nội dung đều làm tốt nhưng công tác tổng kết không có,

không tốt thì hệ quả tất yếu là công tác quản lý CSVC sẽ đi xuống và kéo theo nó là chất lượng dạy học đi xuống.

Tiêu chí "Tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học" sở dĩ được đánh giá ở mức trung bình 50% và yếu 7,5% là vì hiện nay TBDH môn GDQP-AN do đơn vị hợp đồng đảm nhận.

***b. Khảo sát đối với sinh viên***

***Bảng 2.10. Khảo sát SV về thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN cho SV***

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| | | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) |
| 1 | CSVC, trang TBDH phục vụ cho công tác GDQP-AN đã được trang bị đầy đủ | 12 | 6 | 116 | 58 | 58 | 29 | 14 | 7 |
| 2 | Xây dựng và phổ biến nội quy giữ gìn, bảo quản sử dụng CSVC, TBDH cho mọi đối tượng | 92 | 46 | 108 | 54 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Thường xuyên thống kê, báo cáo kịp thời về số lượng, chất lượng của CSVC và TBDH | 117 | 58,5 | 83 | 41,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học | 125 | 62,5 | 75 | 37,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và làm tốt công tác khen thưởng, kỷ luật đối với việc bảo quản, sử dụng, giữ gìn CSVC | 104 | 52 | 96 | 48 | 0 | 0 | 0 | 0 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

Qua khảo sát đối với 200 SV về các tiêu chí điều kiện hỗ trợ công tác GDQP-AN thì tiêu chí "CSVC, trang TBDH phục vụ cho công tác GDQP-AN đã được trang bị đầy đủ", được SV đánh giá thấp với 29% mức trung bình và 7% mức yếu. Điều này chứng tỏ CSVC của nhà trường vẫn chưa đảm bảo cho công tác GDQP-AN. Thời gian qua phân hiệu Gia lai đã đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học, cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, giảng đường, thao trường, bãi tập,... Tuy nhiên, những cố gắng đó chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác GDQPAN cho sinh viên và sự phát triển của nhiệm vụ này. Đến nay mặc dù nhà trường đã được UBND Tỉnh và trường CĐSP Gia lai quan tâm, trang bị cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, như: khu vui chơi, giải trí, sân chơi thể thao, thư viện; hệ thống giảng đường, thao trường, bãi tập chưa đạt chuẩn, phòng học chuyên dùng thiếu các thiết bị phục vụ dạy - học, mô hình, học cụ còn ít,... điều đó đã và đang tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả GDQP-AN cho SV.

## 2.6. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN

### 2.6.1. Điểm mạnh

- Phân hiệu trường ĐH Nông lâm Tp.HCM tại Gia lai luôn nhận được sự quan tâm về mọi mặt của Ban giám đốc phân hiệu, sự chia sẻ giúp đỡ của cả hệ thống chính trị nhà trường trong công tác GDQP-AN.

- Luôn nhận được sự hỗ trợ hết mình, tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất của trường Quân sự địa phương, các đơn vị chức năng có lực lượng tham gia phối hợp công tác GDQP-AN cho SV.

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung quản lý HĐDH công tác GDQP-AN và theo đúng các văn bản chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền. Điều này đã giúp cho nhà trường duy trì được nề nếp lớp học, thực hiện đúng nội dung chương trình công tác.

Luận văn 24

- CBQL đã thực hiện đầy đủ chức năng quản lý trong công tác quản lý theo đúng chu trình: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo việc thực hiện và kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được.

- Công tác GDQP-AN được Đảng, nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức. Coi công tác GDQP-AN là nhiệm vụ có tính chiến lược, hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo ngày càng được hoàn thiện, kịp thời và đồng bộ.

- Sự ổn định và phát triển kinh tế-xã hội của nước ta đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho công tác GDQP-AN trong bối cảnh mới.

**2.6.2. Điểm yếu**

- Công tác KẾ-TỔ-ĐẠO-KIỂM đôi lúc còn lúng túng, thiếu khoa học vì còn phụ thuộc nhiều vào đơn vị liên kết đào tạo và các lực lượng tham gia phối hợp.

- Vấn đề nhận thức của một số CBQL và GV về công tác GDQP-AN chưa đầy đủ, chưa thấy hết được tầm quan trọng và vị trí công tác này trong nhà trường.

- Sự phối hợp thực hiện ở các phòng ban chức năng trong nhà trường đôi lúc còn chưa đồng bộ, thống nhất. Nội dung chương trình, kế hoạch thực hiện còn chồng chéo.

- Đội ngũ giảng viên còn thiếu, và một số còn yếu trong kinh nghiệm giảng dạy

- Điều kiện CSVC, TBDH còn thiếu thốn, một số thiết bị dạy học đã cũ, kém hiệu quả

- Một bộ phận SV chưa xác định đúng về ý nghĩa, vai trò, vị trí, yêu cầu của công tác GDQP-AN nên có thái độ học tập và rèn luyện thiếu tập trung.

Luận văn 24

**Nguyên nhân**

- Do nhận thức của CBQL, GV, SV về công tác GDQP-AN còn hạn chế, chưa hiểu hết được vai trò của công tác  nên chưa được quan tâm đúng mức.

- Sự chỉ đạo thực hiện phong trào của các phòng ban chức năng chưa đồng bộ, còn chồng chéo giữa việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện.

- Quản lý GV thông qua sự phân công của đơn vị liên kết đào tạo còn nhiều bất cập.

- Cơ chế phối hợp trong chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác chưa thực sự chặt chẽ và hiệu quả

- Thực hiện xã hội hóa và huy động các nguồn lực trong xã hội để thực hiện công tác này chưa được phát huy

- Kinh phí hằng năm cấp cho công tác này còn ít nên đôi lúc hiệu quả mang lại chưa như mong muốn

- CSVC chưa đảm bảo cho việc học tập và tổ chức các hoạt động công tác GDQP-AN

**2.6.3. Thời cơ**

- Từ khi ra đời cho tới nay, Đảng ta luôn coi trọng lĩnh vực quốc phòng, an ninh và coi đó là một nội dung lãnh đạo của Đảng, một nhiệm vụ quan trọng của cách mạng Việt Nam. Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn căn cứ vào nhiệm vụ của cách mạng trong từng thời kỳ để từ đó xác định đúng đắn nhiệm vụ quốc phòng, an ninh cho phù hợp.

- Công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường Đại học Nông lâm TP.HCM tại Gia lai tiếp tục nhận được sự quan tâm của Ban giám đốc, Chi bộ Đảng, được hỗ trợ thêm nhân lực quản lý cũng như kinh phí hoạt động thường xuyên.

- Tập thể CB, GV và công nhân viên chức của nhà trường đã thống nhất trong tư tưởng và hành động, làm việc biết chia sẻ, hợp tác tạo nên sức mạnh để nhà trường từng bước phát triển đi lên, đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong thời đại mới. Với đội ngũ CB, GV tuổi đời còn trẻ, đầy nhiệt huyết, có

phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, đã góp phần trong công cuộc hoàn thành sứ mạng của nhà trường.

**2.6.4. Nguy cơ**

- Công tác GDQP-AN cho SV đòi hỏi nhân lực và vật lực tương đối lớn, trong khi đó đội ngũ CB, GV phục vụ cho công tác này còn ít.

- Yêu cầu nhiệm vụ công tác này đòi hỏi ngày càng cao, đặc biệt là hiệu quả và chất lượng đào tạo.

- Điều kiện CSVC và TBDH khó đáp ứng đầy đủ và đồng bộ ngay khi thực hiện nhiệm vụ mới.

Từ những thuận lợi và khó khăn mà nhà trường đang đối mặt, trước thời cơ và thách thức đang đặt ra, đòi hỏi cần phải có những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý công tác GDQP-AN cho SV trong giai đoạn hiện nay.

*** Tiểu kết chương 2**

Qua nghiên cứu thực trạng quản lý công tác GDQP-AN cho SV nhà trường và đánh giá những nguyên nhân thành công và nhận thấy rõ những nguyên nhân các tồn tại, chúng tôi nhận thấy cần thiết phải đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp để nâng cao hiệu quả quản lý công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai. Để tăng cường hiệu quả quản lý công tác GDQP-AN của CBQL, ngoài sự nỗ lực phấn đấu rèn luyện của bản thân người CBQL, cần có sự tác động tích cực, đúng hướng, có trọng tâm và toàn diện của các cấp quản lý bằng các biện pháp hữu hiệu giúp nhà trường quản lý tốt công tác này, một hoạt động mũi nhọn trong công tác quản lý giáo dục toàn diện của mỗi cơ sở giáo dục đào tạo.

Quản lý tốt công tác GDQP-AN cho SV phải có những biện pháp thiết thực mang tính đồng bộ, chặt chẽ và khoa học nhằm nâng cao chất lượng công tác, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường.

Luận văn 24

# CHƯƠNG 3
# BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP - AN CHO SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH TẠI GIA LAI

## 3.1. NGUYÊN TẮC CHUNG ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP

### 3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

Kế thừa là phát triển dựa trên việc tận dụng cái đã có và phát triển lên ở mức độ cao hơn. Đây là một yếu tố quan trọng trong sự phát triển. Trong việc đề xuất biện pháp quản lý, cần phải kế thừa phát huy những cái tốt, cái đúng của những kinh nghiệm đã được thực hiện, những điểm mạnh trong quản lý.

### 3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Để đảm bảo tính hệ thống, các biện pháp quản lý phải nằm trong một tổng thể hoạt động quản lý chung của hệ thống nhà trường thông qua việc thực hiện và vận dụng quy định, quy chế đã ban hành.

Mỗi biện pháp quản lý không thể tách rời nhau mà phải có quan hệ chặt chẽ với nhau, tương tác nhau trong hệ thống, đảm bảo sự toàn diện của quá trình quản lý công tác giáo dục. Biện pháp đề ra không tuân thủ theo nguyên tắc này thì sẽ không mang lại hiệu quả cao.

### 3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp thực tiễn

Một hoạt động muốn tồn tại và phát triển thì phải gắn với thực tiễn. Khi hoạt động mang tính phù hợp với thực tiễn thì nó sẽ khả thi hơn, mà chúng ta biết rằng chất lượng đào tạo của nhà trường phụ hợp với tính khả thi các biện pháp quản lý.

Các biện pháp đề ra phải phù hợp với tình hình phát triển của thế giới, của đất nước, của địa phương và phù hợp với tình hình phát triển của nhà trường. Để đạt được chất lượng trong nhà trường, cần phải tư duy sâu và đầy đủ, có cách nhìn tổng quát, tránh cục bộ và cảm tính. Từ đó xây dựng được

phương pháp, quy trình quản lý và đề ra các biện pháp một cách có cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn phù hợp với quy luật và xu thế phát triển trong điều kiện cho phép.

Nguyên tắc này yêu cầu trong quá trình xác lập các biện pháp cần gắn với thực trạng của vấn đề nghiên cứu. Chúng ta cần phải hiểu rõ được yêu cầu của thực tiễn thì đưa ra biện pháp và áp dụng nó thành công.

**3.1.4. Nguyên tắc tính hiệu quả của quản lý**

Tính hiệu quả chính là cái đích mà quá trình quản lý nhắm đến. Tính hiệu quả không thể hiện ở từng biện pháp riêng lẻ mà là sự gắn kết giữa các biện pháp với nhau.

Các biện pháp đề xuất phải gắn bó với nhau tạo ra mối liên hệ tác động lẫn nhau đảm bảo tính toàn vẹn của quá trình giáo dục, quá trình công tác để phát triển hoàn thiện nhân cách của SV. Các biện pháp phải tạo ra hiệu quả cho sự phát triển của đất nước, của ngành giáo dục, của nhà trường và của người học.

Như vậy, các biện pháp đề xuất trong luận văn này phải căn cứ vào tình hình thực tiễn của nhà trường, phải khắc phục được những điểm yếu, phát huy được những mặt mạnh, tận dụng được cơ hội vượt qua thách thức, đảm bảo tính kế thừa, tính hệ thống, tính phù hợp, tính hiệu quả để công tác quản lý GDQP-AN ở phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM đạt hiệu quả cao, nâng cao chất lượng công tác GDQP-AN của nhà trường.

## 3.2. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC GDQP-AN CHO SV PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM TẠI GIA LAI

### 3.2.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường

* *Mục tiêu của biện pháp*

Nghị định 116/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về quốc phòng-an ninh chỉ rõ: "Giáo dục QP-AN là bộ phận của nền giáo dục quốc dân, một nội

dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; là môn học chính khoá trong chương trình giáo dục & đào tạo trung học phổ thông đến đại học và các trường chính trị, hành chính, đoàn thể…" [14,tr.27].

Biện pháp này nhằm làm cho các lực lượng tham gia vào hoạt động quản lý, giáo dục và đào tạo của nhà trường (Ban Giám đốc, CBQL các phòng ban, tổ bộ môn và đặc biệt là cán bộ GV, nhận thức được tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho SV là yêu cầu cấp thiết, là tiền đề để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nhà trường.

Nhận thức là cơ sở của hành động, nhận thức đúng thì mới hành động đúng. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường là tiêu chí phản ánh tập trung nhất chất lượng GDQP-AN. Bởi vì nhận thức, tư tưởng là yếu tố quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của công tác này. Vì vậy nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN, nhằm tạo ra sự thống nhất trong nhận thức dẫn đến thống nhất trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ dạy học cho đội ngũ CBQL, GV và SV phân hiệu Gia lai. Qua đó để nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý hoạt động dạy và học từ đó nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác GDQP-AN ở phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia Lai.

** Nội dung của biện pháp*

Giáo dục QP-AN là nội dung cơ bản có tác động trực tiếp đến ý thức, trách nhiệm, trình độ hiểu biết và nhận thức về nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam nói chung, thế hệ trẻ nói riêng đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo dục QP-AN ở nhà trường phải được tiến hành toàn diện, trong đó tập trung vào 2 nội dung chủ yếu là: Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ toàn trường theo qui định của Pháp luật và giáo dục QP-AN cho thế hệ trẻ

Luận văn 24

đặc biệt là sinh viên. Thông qua nhiều hình thức hoạt động, nhiều tổ chức, nhiều phương tiện để làm cho mọi người ý thức đầy đủ tình hình, âm mưu, thủ đoạn của địch, từ đó đề cao cảnh giác, đập tan các hoạt động "diễn biến hòa bình" thông qua lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chỉ đạo và dạy học nội dung môn GDQP-AN phải được tiến hành bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo tính hệ thống, cơ bản và toàn diện.

+ *Đối với đội ngũ CBQL, GV*: không ngừng chỉ đạo thường xuyên nghiên cứu, học tập các văn bản, chỉ thị, nghị quyết liên quan đến công tác GDQP-AN để từ đó nắm vững những mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của công tác GDQP-AN cho SV.

+ *Đối với SV*: Giáo dục làm cho SV nắm được chương trình môn học, là nhằm góp phần đào tạo con người toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về QP-AN, truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Công tác GDQP-AN đã giáo dục lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh cho SV, cảnh giác với những âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Nhận biết và đấu tranh có hiệu quả với sự lôi kéo của các thế lực thù địch, phản động chống lại sự nghiệp cách mạng, chống lại những giá trị truyền thống tốt đẹp của lịch sử dân tộc Việt Nam.

* *Cách thức thực hiện biện pháp*

+ *Đối với CBQL, GV:* Biện pháp này đòi hỏi Ban giám đốc Phân hiệu cần phải:

- Chỉ đạo và tổ chức cho mọi cán bộ giảng viên học tập, nghiên cứu, vận dụng các quy định, nội quy về công tác GDQP-AN.

Luận văn 24

- Xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng kiến thức nâng cao về nhận thức vai trò, ý nghĩa, mục tiêu, yêu cầu và tính chất của công tác GDQP-AN cho đội ngũ cán bộ giảng viên.

- Xây dựng kế hoạch mời các chuyên gia, lực lượng nòng cốt am hiểu về QP-AN về tại trường để bồi dưỡng, phổ biến kiến thức sâu rộng và hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác GDQP-AN cho SV sao cho có hiệu quả nhất.

- Tổ chức chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ làm công tác GDQP-AN tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về kiến thức quản lý chỉ đạo thực hiện và kỹ năng tổ chức công tác GDQP-AN nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt.

- Phát huy cao độ vai trò của các tổ chức, lực lượng tham gia phối hợp với nhà trường, trước hết là đội ngũ GV tham gia trực tiếp đứng lớp, đây là nhân tố quyết định đến chất lượng công tác GDQP-AN. Luôn thường xuyên kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng của CBGV tham gia giảng dạy để có những điều chỉnh kịp thời phù hợp.

*+ Đối với SV*

- Nhà trường thông qua chương trình "Tuần sinh hoạt chính trị công dân" cho SV đầu năm học, thông qua các hoạt động ngoại khóa, các tổ chức giao lưu văn hóa văn nghệ theo chủ đề...để bồi dưỡng về nhận thức đối với việc học tập chương trình GDQP-AN.

- Phòng công tác SV phối hợp với các tổ chức, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường để tuyên truyền, giáo dục cho SV ý thức được tầm quan trọng của GDQP-AN nhằm thực hiện mục tiêu xã hội hóa GDQP-AN, làm cho thực tiễn GDQP-AN có ý nghĩa, động viên được sức mạnh tổng hợp của nhà trường và toàn xã hội.

- Phòng công tác SV phối hợp chặt chẽ giữa GDQP-AN với rèn luyện SV, cần thực hiện đa dạng hóa các hình thức giáo dục để đem lại hiệu quả

thiết thực nhất. Cần tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua "Học tốt - Rèn nghiêm" trong SV, qua đó phát huy tính tích cực, sáng tạo, tự giác của SV, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.

- Nhà trường phối hợp với phòng công tác SV tuyên truyền lòng yêu nước, yêu chế độ, lịch sử, truyền thống giữ nước của Đảng và dân tộc, lòng tự tôn dân tộc, giáo dục quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; nâng cao nhận thức và ý thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng an ninh cho sinh viên. Chẳng hạn như mời báo cáo viên nói chuyện về tình hình quân sự trong và ngoài nước, diễn biến chính trị trong khu vực và thế giới; sự phát triển của khoa học công nghệ quân sự thế giới và những vấn đề liên quan khác…

- Phòng công tác SV phối hợp với Đoàn thanh niên và Hội SV phát huy biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân SV sau mỗi khóa học để SV hăng say phấn đấu hơn nữa trong học tập và rèn luyện. Cần chú trọng đến công tác sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm sau mỗi khóa học, đợt học.

** Điều kiện để thực hiện biện pháp*

- Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường

- Định kỳ tổ chức các cuộc gặp gỡ đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với CBGV, SV, ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn... để mọi người được bày tỏ nguyện vọng của mình, từ đó nắm bắt được tình hình diễn biến tư tưởng, nhận thức và có biện pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp, kịp thời.

- Phải có kinh phí chi cho hoạt động cụ thể trong các chương trình thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức công tác GDQP-AN cho SV

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ, chế độ phụ cấp cho đội ngũ cán bộ đảm nhận nhiệm vụ này.

Luận văn 24

- Ban giám đốc phân hiệu, lãnh đạo các phòng ban, bộ môn và từng CBGV phải nhận thức đúng đắn và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác GDQP-AN, phải quán triệt đường lối giáo dục của Đảng và nhà nước "Học đi đôi với hành, lý luận kết hợp với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội".

**3.2.2. Xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho SV**

** Mục tiêu của biện pháp*

- Thực hiện quản lý công tác GDQP-AN bằng kế hoạch khoa học theo năm, học kỳ, tháng, tuần...

- Giúp CBQL và GV tổ chức, điều hành công tác GDQP-AN đúng tiến độ và kế hoạch đề ra.

- Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN, bảo đảm phối hợp hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của sinh viên. Đây là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định trong việc chuyển tải nội dung công tác đến với sinh viên nhằm thực hiện các mục tiêu công tác. Thực tiễn đã chứng minh rằng, đôi khi có mục tiêu và nội dung giáo dục tốt, người dạy và người học đều tích cực, nhưng do phương pháp và hình thức tổ chức các buổi học không phù hợp cho nên kết quả dạy học không đạt được như mong muốn.

- Tổ chức thực hiện chương trình GDQP-AN nhằm mục đích tạo ra sự đồng bộ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của sinh viên, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả GDQP-AN, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

** Nội dung của biện pháp*

*Xây dựng kế hoạch khoa học:*

- Ban giám đốc phân hiệu cần chỉ đạo các bộ phận chức năng nghiên cứu kỹ chương trình công tác cho các lớp, trên cơ sở đó chỉ đạo các bộ phận

chức năng phối hợp với các đơn vị có liên quan để xây dựng kế hoạch học tập một cách chặt chẽ, hiệu quả.

- Đầu mỗi năm học, phòng Đào tạo phân hiệu Gia lai phối hợp với phòng công tác SV xây dựng kế hoạch học tập cụ thể về kế hoạch công tác GDQP-AN cho SV nhà trường, báo cáo trước Ban giám đốc phân hiệu và tiến hành ký kết hợp đồng với đơn vị liên kết đào tạo.

*Chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho SV:*

- Đổi mới phương pháp GDQP&AN là yêu cầu cấp thiết, quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng công tác này. Đặc biệt, đây lại là công tác mang tính đặc thù cao, nếu GV không có phương pháp giảng dạy phù hợp, linh hoạt dễ dẫn tới sự "khô cứng", nhàm chán. Tuy nhiên, việc đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy phải dựa trên cơ sở bảo đảm đủ nội dung, chương trình, thời gian học tập và phải lấy chất lượng, hiệu quả dạy - học là mục tiêu hàng đầu.

- Sau khi kế hoạch đã được xây dựng và phê duyệt, Ban giám đốc chỉ đạo triển khai các hình thức tổ chức, phương pháp thực hiện GDQP-AN cho mọi đối tượng cả người dạy và người học.

- Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho sinh viên theo hướng tiếp cận với những yêu cầu của xã hội, của đất nước, của ngành nghề đòi hỏi trong thời kỳ hội nhập và phát triển. chỉ đạo đổi mới phải mang tính thiết thực phù hợp với nhu cầu thực tế, tạo động lực cho người học phấn đấu rèn luyện. Chương trình giáo dục QP-AN được thiết kế mang tính mềm dẻo, liên thông giữa công tác GDQP-AN và các công tác giáo dục khác.

* *Cách thức thực hiện biện pháp:* Phòng Đào tạo và phòng công tác SV tham mưu với Ban giám đốc phân hiệu thực hiện các bước sau:

Luận văn 24

- Trên cơ sở kế hoạch đề ra, Tổ quản lý GDQP-AN của phân hiệu xây dựng kế hoạch công tác chung của cả năm học. (Thường thì trưởng phòng công tác SV đảm nhận chức vụ tổ trưởng)

- Tổ trưởng lập kế hoạch cụ thể, CBQL, GV có liên quan lập kế hoạch cá nhân trên cơ sở nhiệm vụ được giao.

- Tổ trưởng phối hợp với phòng đào tạo nhà trường chủ động lên kế hoạch và báo cho các đơn vị tham gia phối hợp lịch giảng cụ thể cho từng đợt học.

- Tổ chức cho CBQL GDQP-AN nắm vững nội dung chương trình, hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN của từng học phần, từng đợt học cụ thể.

- Đa dạng hóa các loại hình tổ chức công tác GDQP-AN cho SV, tạo niềm say mê hứng thú cho SV trong mọi hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng môi trường và tạo điều kiện thuận lợi để người thầy phát huy cao nhất nhiệt huyết và khả năng của mình.

- Nên đưa SV vào học tập tại trường quân sự Tỉnh, biên chế SV thành các phân đội, như vậy, vừa thuận lợi cho công tác quản lý, rèn luyện và nắm chắc kết quả học tập của từng người,vừa giúp tuổi trẻ tiếp cận với môi trường quân sự.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, tránh tập trung quá đông SV nhất là khi học các nội dung kỹ năng quân sự. Bên cạnh đó, cán bộ, giáo viên cần duy trì việc xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch giảng dạy, vận dụng các hình thức, phương pháp dạy – học sinh động, hấp dẫn đối với HS,SV, nhất là với những học phần kiến thức QP-AN.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV, như: tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, hoạt động văn hóa – văn nghệ, thể dục – thể thao; tham gia các hoạt động xã hội, như: "xóa đói, giảm nghèo","xây dựng

nông thôn mới"… Qua đó để SV lĩnh hội và tiếp thu những kiến thức từ thực tế, gắn công tác GD-ĐT với đời sống xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả GDQP-AN cho thế hệ trẻ.

- Để đổi mới phương pháp giảng dạy GDQP&AN cho SV đạt hiệu quả cao, bên cạnh việc nghiên cứu, biên soạn giáo án phù hợp với chương trình, đối tượng; sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hiện đại thì nhà trường cần đẩy nhanh việc chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên, tăng cường đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ dạy học. Đây là vấn đề cốt lõi có tính chất quyết định.

- Tổ trưởng quản lý công tác GDQP-AN tham mưu với lãnh đạo nhà trường chỉ đạo tổ chức định kỳ các buổi họp chuyên môn với giảng viên, tham gia góp ý rút kinh nghiệm về việc xây dựng kế hoạch, đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp GDQP-AN cho SV.

** Điều kiện để thực hiện biện pháp*

- Việc xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới đổi mới hình thức, phương pháp GDQP – AN cho SV phải chú ý dựa trên cơ sở bảo đảm đủ nội dung, chương trình và thời gian học tập và phải lấy chất lượng, hiệu quả dạy – học là thước đo đối với từng đơn vị và người thầy. Mặt khác, việc đổi mới hình thức, phương pháp GDQP-AN cho SV cần được đẩy mạnh hơn nữa, ở cả phần kiến thức QP-AN và kỹ năng quân sự.

- Cần có sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện của Ban giám đốc phân hiệu và các đơn vị tham gia phối hợp.

- Kế hoạch được xây dựng phải mang tính khoa học, phải dựa trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và của đơn vị liên kết.

- Từng CBQL, GV phải nhận thức đầy đủ vai trò quan trọng của việc xây dựng kế hoạch, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN.

Luận văn 24

- CBQL bám sát Quyết định số 57/2008/QĐ-BGDĐT ngày 14/10/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về liên kết GDQP-AN và Thông tư số 25/2009TT-BGDĐT về việc sửa đổi bổ sung Danh sách các đơn vị chủ quản và đơn vị liên kết GDQP-AN, tự chủ trong việc lên kế hoạch và tổ chức giảng dạy.

**3.2.3. Tăng cường quản lý hoạt động học của sinh viên**

** Mục tiêu của biện pháp*

- Giúp cho SV có động cơ, thái độ học tập đúng đắn, tự lực nắm vững tri thức, kỹ năng môn học. Qua đó SV chủ động biến tri thức môn học thành tri thức riêng của bản thân.

- Bồi dưỡng cho SV phương pháp tự học, giúp SV hình thành niềm tin khoa học, rèn luyện ý chí phấn đấu, đức tính kiên trì, say mê nghiên cứu khoa học.

** Nội dung của biện pháp*

- Đây là biện pháp có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác GDQP cho sinh viên hiện nay. Bởi vì, sinh viên là chủ thể của quá trình nhận thức, trực tiếp lĩnh hội, chuyển hoá tri thức chính trị, quân sự, quốc phòng thành nhận thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm thực hiện nhiệm vụ.

- Xác định được mục đích và động cơ học tập đúng đắn cho SV, giúp SV phát huy tốt vai trò, tính tích cực tự giác của mình. Các tổ chức, lực lượng giáo dục cần phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao tinh thần yêu nước, tinh thần sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, làm cho sinh viên hiểu rõ vị trí, vai trò của GDQP trong sự nghiệp cách mạng mới.

Luận văn 24

** Cách thức thực hiện biện pháp*

- Nâng cao nhận thức, bồi dưỡng động cơ học tập - tự học tích cực cho SV thông qua giáo dục truyền thống nhà trường, trang bị và nâng cao nhận thức cho SV về mục tiêu, yêu cầu đào tạo, kích thích niềm hứng thú, say mê học tập tự học của SV, xây dựng bầu không khí học tập tích cực.

- Phòng công tác SV và GV chủ nhiệm cần tăng cường chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch tự học của SV. Cụ thể là giúp SV biết xây dựng và quản lý kế hoạch tự học; quản lý và giúp SV thực hiện kế hoạch tự học, sử dụng thời gian tự học có kết quả. Chỉ đạo tốt việc hướng dẫn SV xác định nội dung tự học, bao gồm yêu cầu GV giao nhiệm vụ tự học cụ thể cho SV ở từng phần, từng chương; nâng cao vai trò của GV chủ nhiệm lớp trong quản lý nội dung tự học.

- Trong hoạt động học, GV chủ nhiệm, cố vấn học tập cần hướng dẫn cho SV những kỷ năng tự học cơ bản như kỷ năng đọc, chép, tra cứu thông tin, ghi nhớ, ôn tập, làm việc theo nhóm, diễn đạt thuyết trình...GV cần mạnh dạn cho SV làm việc độc lập với sách vở, tập cho SV tự nhận xét đánh giá bản thân mỗi khi hoàn thành bài học.

- Lãnh đạo nhà trường cần phải quán triệt cho GV chủ nhiệm tăng cường tổ chức, quản lý kiểm tra hoạt động tự học của SV, hướng dẫn SV cách thức học tập, cách tìm tài liệu, cách thu thập và xử lý thông tin sao cho có hiệu quả nhất. Nhà trường cần tổ chức các hội thảo về phương pháp tự học cho SV theo định kỳ đảm bảo hiệu quả.

- GV chủ nhiệm phối hợp với phòng công tác SV phải đánh giá được kết quả tự học của SV thông qua mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc làm này cần được thực hiện nghiêm túc thì mới rèn luyện cho SV khả năng tự học, tự nghiên cứu.

- Nhà trường cần tiến hành động viên khen thưởng kịp thời, tạo khí thế và động cơ thi đua học tập, rèn luyện tích cực, khơi dậy tinh thần ham học,

Luận văn 24

phát huy tối đa tính tích cực, tự giác học tập, rèn luyện của sinh viên, qua đó hạn chế được những tiêu cực, thụ động trong quá trình lĩnh hội kiến thức quốc phòng của họ.

- Không ngừng nâng cao trình độ kiến thức quân sự và năng lực hoạt động quốc phòng, tạo điều kiện SV hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ công tác của mình. Bên cạnh đó, nhà trường cần chủ động và duy trì việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ người học và các đơn vị liên kết đào tạo để kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh các hoạt động của nhà trường để công tác GDQP-AN cho SV ngày càng đáp ứng tốt mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ được giao.

** Điều kiện để thực hiện biện pháp*

- Ban giám đốc phân hiệu cần quan tâm chỉ đạo thống nhất về đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.

- Vai trò tổ chức và thực hiện của đội ngũ CBQL, GV tham gia công tác GDQP-AN là yếu tố quyết định, giúp SV thực hiện nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học.

- GV phải luôn tâm huyết và tận tình hướng dẫn SV.

- Mỗi SV phải có thái độ, nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học.

- Xây dựng được phong trào học, tự học trong toàn trường, biến khẩu hiệu thành hành động cụ thể.

**3.2.4. Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện**

** Mục tiêu của biện pháp*

- Mục tiêu giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện đã được xác định trước đây nhưng thường được quan niệm đó là nhiệm vụ đào tạo những con người phát triển hài hòa đức, trí, thể, mỹ. Nghĩa là giáo dục, đào

tạo con người đáp ứng nhu cầu CNH, HĐH đất nước, con người cho xã hội. Thực hiện công cuộc đổi mới, ngoài việc phát triển con người cho xã hội, sẽ chú trọng thêm phần phát huy cao nhất tiềm năng sẵn có của riêng mỗi người, đó là con người cá nhân.

- Mục tiêu của giáo dục toàn diện là phải hướng đến thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực toàn diện: Cả thể lực, trí tuệ, ý chí, năng lực và đạo đức; có năng lực tự học , tự đào tạo, năng động. Chủ động, sáng tạo; có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng thích ứng nhanh, chủ động trong môi trường sống và làm việc. Sự đổi mới về mục tiêu như vậy cũng đòi hỏi chuyển từ một nền giáo dục giúp người học "học được cái gì" sang học thì phải "làm được cái gì". Nói cách khác là giáo dục con người phải có cả kiến thức, kỹ năng và vận dụng được vào trong thực tiễn.

- Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện không chỉ nhằm định hướng mục tiêu mà SV phải phấn đấu đạt được mà còn nâng cao được chất lượng, hiệu quả môn học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Trong quản lý hoạt động giáo dục, việc đánh giá khách quan chính xác, công bằng, toàn diện quá trình học tập, rèn luyện của SV có tác dụng tạo động lực cho nhà trường, cho người học phát triển.

** Nội dung của biện pháp*

- Đánh giá việc lĩnh hội kiến thức, kỹ năng quân sự và khả năng vận dụng vào thực tiễn trong quá trình học tập tại trường và công tác sau này: Các vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân...

Luận văn 24

- Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN của SV bằng việc đánh giá nhận thức, phẩm chất đạo đức, lập trường chính trị, tác phong, lối sống, việc chấp hành các nội quy của nhà trường...

- Kết hợp nhiều nội dung đánh giá và đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức đánh giá với nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm đảm bảo tính khách quan và tính toàn diện của kết quả đánh giá.

** Cách thức thực hiện biện pháp*

- Ban lãnh đạo nhà trường, CBQL và GV cần xác định rõ ràng mục tiêu của đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV.

- Nhà trường cần xây dựng tiêu chuẩn đánh giá công tác GDQP-AN nhằm phát huy vai trò của các tổ chức và cá nhân trong nhà trường, đây là cơ sở pháp lý quan trọng để đánh giá đúng chất lượng học tập và rèn luyện của SV.

- Xây dựng kế hoạch đánh giá công tác GDQP-AN cho SV, kế hoạch phải thể hiện rõ nội dung, thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phương pháp tiến hành.

- GV chủ nhiệm tổ chức cho SV đánh giá lẫn nhau trong quá trình học tập.

- GV chủ nhiệm phối hợp với phòng công tác SV và CBQL công tác GDQP-AN để tổ chức lấy ý kiến về hình thức kiểm tra giữa kỳ, tổ chức thi theo mô hình giả định do SV đề xuất.

- CBQL phải sử dụng nhiều phương pháp đánh giá: Quan sát, nghiên cứu sản phẩm, đánh giá của tập thể, của giảng viên, tự đánh giá của cá nhân …

- Dùng nhiều hình thức đánh giá khác nhau: Đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, đánh giá kết quả hoạt động theo chuyên đề …

- Kết hợp các nội dung đánh giá: Đánh giá nhận thức, thái độ, ý thức của SV, kết quả học tập...để có kết quả công bằng giữa các SV.

Luận văn 24

- CBQL và GV giảng dạy phải công khai nội dung những vấn đề kiểm tra đánh giá ngay khi bắt đầu giảng dạy môn học cho SV.

- Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả GDQP-AN cho SV cần từng bước theo các tiêu chí phù hợp. Nhà trường cần phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

** Điều kiện để thực hiện biện pháp*

- Mỗi cá nhân phải nhận thức đúng được mục đích, ý nghĩa của đánh giá kết quả theo mục tiêu giáo dục toàn diện. Mục đích của thi cử, kiểm tra, đánh giá là chỉ ra những hạn chế để rút kinh nghiệm, khuyến khích những tổ chức, cá nhân làm tốt. Tuyệt đối không được làm đối phó, làm bằng kinh nghiệm và đặc biệt không được tự ý hạ chuẩn để chạy theo thành tích.

- Trong đánh giá phải bảo đảm tính khách quan, khoa học và chặt chẽ để tạo được sự công bằng cho người học và tạo được động lực học tập và rèn luyện trong SV.

- Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện phải phù hợp với tiêu chí kiểm định đánh giá chất lượng và được tiến hành một cách thường xuyên, nề nếp.

**3.2.5. Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác GDQP-AN**

** Mục tiêu của biện pháp*

CSVC là một yếu tố hết sức quan trọng của sự nghiệp GD&ĐT, là điều kiện không thể thiếu được trong sự ổn định và phát triển bền vững và củng cố thương hiệu của nhà trường. CSVC, TBDH là công cụ lao động để người dạy truyền đạt kiến thức, xây dựng kỹ năng, kỹ xảo cho người học, là phương tiện

Luận văn 24

để người học tiếp nhận kiến thức và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho mình theo mục tiêu yêu cầu môn học đề ra.

CSVC, thiết bị phục vụ cho công tác GDQP-AN phải đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, đây được coi là giải pháp mang tính đòn bẩy để thực hiện nâng cao chất lượng dạy và học GDQP-AN.

Hiện nay Phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai vẫn còn đóng chân trong khuôn viên của trường CĐSP Gia lai nên hầu như mọi CSVC đều dùng chung với trường CĐSP Gia lai. Vì thế việc khai thác và sử dụng CSVC đôi lúc còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được mục tiêu công tác GDQP-AN đề ra.

** Nội dung của biện pháp*

- Bảo đảm CSVC phục vụ công tác GDQP-AN cho SV: Hội trường, phòng học, thư viện, sân tập...

- Bảo đảm đủ thiết bị dạy học: Tài liệu, vũ khí, vật chất học, máy móc...

- Đề xuất với lãnh đạo nhà trường có sự đầu tư CSVC, TBDH từng bước hiện đại để nâng cao chất lượng công tác GDQP-AN

** Cách thức thực hiện biện pháp*

- Ban giám đốc phân hiệu cần xúc tiến phối hợp với UBND Tỉnh đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở mới cho nhà trường tại xã Diên Phú-TP.Pleiku nà Bộ đã phê duyệt.

- Đầu tư xây dựng phòng học, ký túc xá, thư viện, sân vận động…mua sắm các trang thiết bị hiện đại một cách khoa học, phù hợp với nhiệm vụ của công tác GDQP-AN.

- CBQL có kế hoạch dự trù kinh phí, trình Ban giám đốc phân hiệu duyệt chi và khi đã mua sắm dụng cụ cần phải:

+ Thường xuyên bồi dưỡng năng lực khai thác, sử dụng CSVC một cách có hiệu quả nhất: Nhà trường cần thường xuyên làm tốt công tác bồi dưỡng

năng lực khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học vào quá trình dạy học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên. Có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng định kỳ kỹ năng khai thác và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể. Phối kết hợp chặt chẽ với việc gửi cán bộ, giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng tại các cơ sở chính quy. Tích cực ứng dụng CNTT trong quản lý thiết bị dạy học hiện đại.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư, trang bị của nhà trường với tinh thần tự lực xây dựng cải tiến của cán bộ GV, SV. Đây là biện pháp nhằm bảo đảm sự phát triển các trang thiết bị nhanh, vững chắc, hiệu quả. Phát huy tính tự chủ và tiềm năng tại chỗ của các cán bộ, SV nhà trường, khắc phục tình trạng bị động, chờ đợi trong công tác bảo đảm của nhà trường.

+ Tăng cường công tác thanh kiểm tra, quản lý, phát triển, khai thác và sử dụng CSVC, TBDH.

** Điều kiện để thực hiện biện pháp*

- Nhà trường cần quan tâm ủng hộ việc trang bị CSVC cho công tác GDQP-AN. Sử dụng đúng, hợp lý các nguồn ngân sách chi cho CSVC đồng thời phát huy các nguồn lực hỗ trợ cho CSVC.

- CBQL, GV nhận thức được tầm quan trọng của CSVC, TBDH trong việc nâng cao chất lượng dạy học từ đó có ý thức khai thác, sử dụng và bảo quản chúng một cách khoa học và hợp lý.

**3.2.6. Củng cố, hoàn thiện cơ chế phối hợp với các lực lượng tham gia, đơn vị liên kết đào tạo GDQP-AN cho SV**

** Mục tiêu của biện pháp*

Để xây dựng và nâng cao chất lượng công tác GDQP-AN cho SV, Phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai đã phối hợp với các đơn vị, ban ngành, đoàn thể triển khai đồng bộ và thực hiện có hiệu quả công tác nhằm mục tiêu:

Luận văn 24

- Tạo lập được mối quan hệ và trách nhiệm trong việc liên kết đào tạo giữa nhà trường và các đơn vị tham gia phối hợp.

- Tạo ra sự liên kết chặt chẽ, thường xuyên và chủ động từ hai phía là nhà trường và bên tham gia phối hợp.

- Xác định trách nhiệm và quyền lợi rõ ràng từ phía nhà trường và các đơn vị liên kết.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý công tác GDQP-AN cho SV một cách đồng bộ, chặt chẽ và khoa học. Cơ chế chính sách hợp lý không chỉ bảo đảm cho nhiệm vụ được thực hiện có chất lượng hiệu quả mà còn thu hút đông đảo các tổ chức, các lực lượng tham gia ngày càng tích cực hơn vào sự nghiệp giáo dục đào tạo.

** Nội dung của biện pháp*

- Các thiết chế phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng tham gia công tác GDQP-AN cho SV là yêu cầu cơ bản thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

- Sự tham gia của các lực lượng này sẽ giúp nhà trường về nhiều mặt trong công tác tổ chức các hoạt động GD trong và ngoài giờ lên lớp. Thực tế cho thấy nhờ sự phối hợp này giúp cho SV tiếp xúc được với môi trường xã hội. Trên cơ sở đó hình thành cho SV có tư tưởng vững vàng nhận thức đúng đắn về chủ trương, đường lối của Đảng và nhà nước.

- Hoàn thiện về cơ chế chính sách và tổ chức quản lý tốt công tác GDQP-AN từ hai phía.

- Tổ chức chỉ đạo thống nhất từ nhà trường đến các lực lượng tham gia phối hợp.

- Phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên liên quan.

** Cách thức thực hiện biện pháp*

- Nhà trường cần phải chủ động đặt quan hệ với các đơn vị có cá nhân và lực lượng tham gia công tác GDQP-AN. Muốn vậy người làm công tác này đòi hỏi phải có năng lực tổ chức, kỹ năng tiếp cận và huy động nguồn lực từ các lực lượng trong và ngoài nhà trường. Thiết lập mối quan hệ thường xuyên với các lực lượng này để thắt chặt sự hợp tác lâu dài.

- Phòng quản lý đào tạo phân hiệu phải chịu trách nhiệm hợp đồng với trường quân sự địa phương Tỉnh Gia lai về hợp đồng giảng dạy môn học GDQP-AN cho SV. Phòng CTSV của phân hiệu chịu trách nhiệm mời các lực lượng tham gia hỗ trợ công tác này như các buổi ngoại khóa, sinh hoạt theo chủ đề, văn nghệ theo chủ điểm, các buổi báo cáo chuyên đề...

- Tùy theo điều kiện, tình hình cụ thể mà nhà trường và các đơn vị liên kết có thể có những cơ chế riêng trong phối hợp dựa trên cơ sở luật pháp và các quy định của nhà nước.

- Bổ sung các loại văn bản, sổ sách, biểu mẫu để theo dõi công tác GDQP-AN.

- Ban giám đốc phân hiệu cần phải ban hành các quyết định, quy chế và hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác GDQP-AN.

- CBQL tham mưu cho lãnh đạo nhà trường công tác sơ tổng kết rút kinh nghiệm, bổ sung, điều chỉnh kịp thời để kiểm định tính khả thi của các văn bản đã ban hành trước đó.

** Điều kiện để thực hiện biện pháp*

- Các thiết chế và cơ chế phối hợp quản lý công tác GDQP-AN cho SV phải phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật.

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với quy chế về cách thức tổ chức và hoạt động và phải phù hợp với tình hình thực tế của mỗi đơn vị.

- Phải phát huy được chức năng, hiệu quả của tổ chức bộ máy, đảm bảo tính đồng bộ, khoa học, giảm chi phí và dễ dàng triển khai trong nhà trường.

Luận văn 24

- Thống nhất được số lượng, loại văn bản, sổ sách, biểu mẫu quản lý giữa nhà trường và đơn vị tham gia phối hợp.

- Thường xuyên tổ chức giao ban giữa nhà trường và các đơn vị tham gia phối hợp để có những thiết chế, cơ chế đúng, phù hợp với tình hình thực tiễn của mỗi đơn vị.

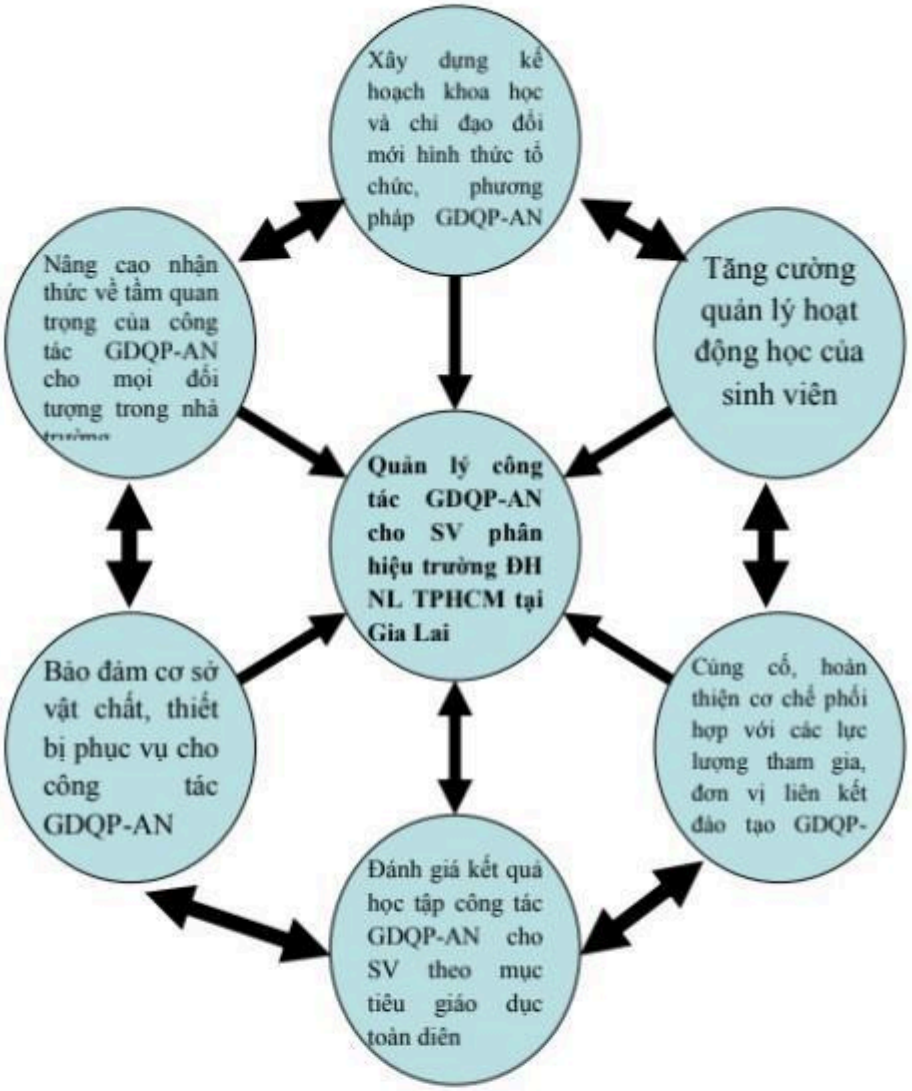
### 3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP

Để quản lý tốt công tác GDQP-AN cho SV nhằm nâng cao chất lượng công tác đòi hỏi phải nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường, xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức- phương pháp GDQP-AN cho SV, tăng cường quản lý hoạt động học- tự học của sinh viên, đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện, bảo đảm cơ sở vật chất- thiết bị phục vụ cho công tác GDQP-AN, củng cố-hoàn thiện các thiết chế và cơ chế phối hợp với các lực lượng tham gia- đơn vị liên kết đào tạo GDQP-AN cho SV.

Tất cả sáu biện pháp trên đều có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, biện pháp này là tiền đề, cơ sở cho biện pháp kia. Để nâng cao vai trò quản lý công tác GDQP-AN của Phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai, đòi hỏi các biện pháp quản lý phải được nghiên cứu trong mối quan hệ tổng thể trên cơ sở vận dụng, khai thác thế mạnh riêng, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Những biện pháp đưa ra xuất phát từ thực trạng sẽ góp phần khai thông, khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý. Tuy nhiên, người quản lý phải biết dựa vào đặc điểm, điều kiện cụ thể của nhà trường mà phối hợp với đơn vị liên kết đào tạo, lực lượng tham gia phối hợp, để áp dụng có hiệu quả các biện pháp trong quá trình quản lý.

Có thể khái quát mối liên hệ giữa các biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho SV Phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai theo sơ đồ sau:

Luận văn 24




**Sơ đồ 3.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai**

## 3.4. KHẢO NGHIỆM TÍNH CẤP THIẾT, TÍNH KHẢ THI CÁC BIỆN PHÁP

### 3.4.1. Mục đích và đối tượng khảo nghiệm

Để khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp mà tác giả đã đề xuất, tác giả đã tổ chức xin ý kiến 40 CBQL, GV của Phân hiệu

trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai và các lực lượng tham gia phối hợp. Đây là lực  lượng trực tiếp quyết định chất lượng công tác GDQP-AN cho SV. Số phiếu trưng cầu 40, số phiếu thu về 40. (Nội dung phiếu hỏi ở phụ lục 3)

### 3.4.2. Nội dung khảo nghiệm

Khi tiến hành khảo sát các nội dung trên, chúng tôi chia như sau:

- Về tính cấp thiết của các biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho SV, chúng tôi chia ra 3 mức độ: Rất cấp thiết, cấp thiết và không cấp thiết.

- Về tính khả thi của các biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho SV, chúng tôi chia ra 3 mức độ: khả thi cao, khả thi và không khả thi.

### 3.4.3. Kết quả khảo nghiệm

Qua kết quả khảo nghiệm, phần lớn ý kiến cho rằng 6 biện pháp được đề xuất đều mang tính thực tiễn cao. Điều này cho phép những biện pháp mà tác giả đề xuất có khả năng ứng dụng tốt vào thực tiễn quản lý công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai.

Luận văn 24

***Bảng 3.1. Tổng hợp kết quả trưng cầu ý kiến CBQL, GV về khảo nghiệm các biện pháp***

| TT | Tên biện pháp | Tính cấp thiết (%) | | | | Tính khả thi (%) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Rất cấp thiết | Cấp thiết | Không cấp thiết | Thứ bậc | Khả thi cao | khả thi | Không khả thi | Thứ bậc |
| 1 | Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường | 98 | 2 | | 1 | 79 | 21 | | 1 |
| 2 | Xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho SV | 62 | 38 | | 3 | 35 | 63 | 2 | 6 |
| 3 | Tăng cường quản lý hoạt động học của sinh viên | 43 | 57 | | 6 | 41 | 59 | | 5 |
| 4 | Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện | 55 | 45 | | 5 | 46 | 54 | | 4 |
| 5 | Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác GDQP-AN | 60 | 40 | | 4 | 56 | 44 | | 3 |
| 6 | Củng cố, hoàn thiện cơ chế phối hợp với các lực lượng tham gia, đơn vị liên kết đào tạo GDQP-AN cho SV | 75 | 25 | | 2 | 67 | 33 | | 2 |

*Nguồn: Số liệu khảo sát và tổng hợp năm 2015*

** Tính cấp thiết của các biện pháp*

- Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường có mức độ đánh giá rất cấp thiết chiếm tỉ lệ 98%, cấp thiết là 2% và không có phiếu trả lời là không cấp thiết. Như vậy kết quả này cho tác giả nhận định là rất cấp thiết trong việc nâng cao nhận thức tầm quan trọng cho cán bộ, GV và SV về công tác GDQP-AN.

- Biện pháp 2: Xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho SV. Biện pháp này có 62% cho rằng rất cấp thiết, và 38% cho rằng cấp thiết và không có ý kiến nào cho rằng biện pháp này là không cấp thiết cả. Kết quả chung biện pháp 2 này cho phép tác giả đánh giá là rất cấp thiết để thực hiện trong thời gian tới.

- Biện pháp 3: Tăng cường quản lý hoạt động học, tự học của sinh viên. Biện pháp này có 43% ý kiến đánh giá là cấp thiết và 57% cho rằng cấp thiết. Kết quả chung biện pháp 3 này tuy tỉ lệ về sự cấp thiết có thấp hơn các biện pháp khác, song vẫn không có ý kiến nào cho rằng là nó không cấp thiết. Điều này khẳng định biện pháp trên là cấp thiết và cần được triển khai áp dụng tại nhà trường.

- Biện pháp 4: Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện. Với 55% ý kiến cho rằng rất cấp thiết và 45% cho rằng cấp thiết. Kết quả chung biện pháp 4 này cũng được đánh giá là rất cấp thiết tương đối cao.

- Biện pháp 5: Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác GDQP-AN. Biện pháp này cho rằng rất cấp thiết chiếm 60% và cấp thiết chiếm 40%.

- Biện pháp 6: Củng cố, hoàn thiện các thiết chế và cơ chế phối hợp với các lực lượng tham gia, đơn vị liên kết đào tạo GDQP-AN cho SV. Biện pháp

này chiếm tỉ lệ 75% cho rằng rất cấp thiết và 25% cho rằng cấp thiết. Kết quả chung biện pháp 6 này được đánh giá tương đối cao cho thấy là rất cấp thiết thực hiện công tác hoàn thiện các cơ chế phối hợp để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cho SV.

** Mức độ khả thi của các biện pháp*

Về cơ bản, số người được hỏi đều đánh giá cao về tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất. Trong đó, các biện pháp được đánh giá mức độ khả thi cao nhất là biện pháp 1 (Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường), tỉ lệ 79%. Biện pháp 2 (Xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho SV), sự cấp thiết của biện pháp này là 62% nhưng tính khả thi chỉ đạt 35% và có 2% ý kiến cho rằng không khả thi. Qua đó cho thấy việc chỉ đạo đổi mới tổ chức, phương pháp giáo dục QP-AN cho SV không dễ dàng thực hiện và mang lại hiệu quả thiết thực ngay, do vậy cần chú trọng đầu tư hơn nữa cho biện pháp này. Bên cạnh đó các biện pháp 3, 4, 5 và 6, tỉ lệ về tính khả thi tương đối. Sở dĩ như vậy là vì mọi người đều cho rằng, để tăng cường quản lý hoạt động tự học của SV, đánh giá kết quả học tập của SV theo mục tiêu toàn diện, bảo đảm CSVC và củng cố hoàn thiện các thiết chế phối hợp cần phải có thời gian, cần có lộ trình và sự đầu tư thích đáng.

Như vậy kết quả điều tra cho thấy trong số những biện pháp đã được đề xuất, biện pháp 1 là biện pháp cơ bản, quan trọng quyết định đến chất lượng quản lý công tác GDQP-AN. Điều đó cho thấy để thực hiện được các biện pháp trên phải có sự quyết tâm cao trong biện pháp 1 về nâng cao nhận thức tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường. Thực hiện tốt được biện pháp này sẽ là nền tảng cho các biện pháp 2,3,4,5,6 làm tốt hơn, đảm bảo nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai.

*** Tiểu kết chương 3**

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận văn đã đề xuất các biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai. Các biện pháp trên có mối quan hệ biện chứng với nhau, thực hiện tốt biện pháp này sẽ tác động tích cực đến các biện pháp khác và ngược lại. Nếu bỏ qua hoặc ít chú trọng đến một biện pháp nào đó thì sẽ làm hạn chế đến chất lượng công tác GDQP-AN cho SV.

Các biện pháp trên đây đã được thăm dò để khẳng định độ tin cậy, tính cấp thiết và tính khả thi. Chúng tôi hy vọng rằng, những biện pháp này sẽ được áp dụng trong năm học tới, công tác quản lý GDQP-AN sẽ phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường góp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường trong bối cảnh hiện nay.

Luận văn 24

# KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

## 1. KẾT LUẬN

Trong quá trình thực hiện luận văn, chúng tôi đã cố gắng làm sáng tỏ các khái niệm cơ bản về khoa học quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường và những khái niệm liên quan đến công tác GDQP-AN. Luận văn đã vận dụng những khái niệm cơ bản đó vào quá trình nghiên cứu quản lý công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai. Từ những lý luận đó, là cơ sở khoa học và cũng là định hướng cho tác giả nghiên cứu về thực trạng và đề xuất những biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho SV tại nhà trường.

Tác giả đã khảo sát đánh giá và phân tích thực trạng về tình hình của nhà trường. Qua kết quả phiếu trưng cầu ý kiến chúng tôi nhận thấy rằng công tác quản lý GDQP-AN tại trường đã có những chuyển biến tích cực, song CBQL của nhà trường còn sử dụng các biện pháp quản lý thiếu khoa học, kém hiệu quả nhất là còn phụ thuộc nhiều về đơn vị hợp đồng liên kết đào tạo, dẫn đến thực trạng công tác quản lý còn lỏng lẻo, chưa đáp ứng được nhiệm vụ môn học đề ra trong tình hình giai đoạn hiện nay.

Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và SV đã nhận thức đúng đắn về mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của công tác GDQP-AN. Ban giám hiệu nhà trường cũng đã đề ra hệ thống các biện pháp quản lý công tác này. Tuy nhiên do những nguyên nhân cả về khách quan và chủ quan nên một số biện pháp quản lý vẫn chưa được chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả cao.

Xuất phát từ thực tiễn của quản lý công tác GDQP-AN ở nhà trường, từ yêu cầu đòi hỏi của xã hội đối với công tác này và từ mục tiêu của chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình thực hiện

Luận văn 24

nhiệm vụ công tác hiện nay của nhà trường, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất 5 biện pháp quản lý công tác GDQP-AN như sau:

(1) Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường

(2) Xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho SV

(3) Tăng cường quản lý hoạt động học của sinh viên

(4) Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện

(5) Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác GDQP-AN

(6) Củng cố, hoàn thiện cơ chế phối hợp với các lực lượng tham gia, đơn vị liên kết đào tạo GDQP-AN cho SV

Thăm dò về tính cấp thiết và tính khả thi từ đội ngũ CBQL, GV giảng dạy và lực lượng tham gia phối hợp, đã xác nhận tính cấp thiết và tính khả thi cao của các biện pháp đề xuất nêu trên. Như vậy, các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài đã được giải quyết, mục đích nghiên cứu đã được thực hiện.

## 2. KHUYẾN NGHỊ

Để phát huy tốt kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị như sau:

### 2.1. Đối với Bộ Giáo dục & Đào tạo

- Hiện nay chúng ta còn thiếu những văn bản pháp quy của nhà nước, cấp trên và địa phương để chỉ đạo các ban, ngành thực hiện phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục QP-AN. Vì vậy, Bộ giáo dục và đào tạo và Bộ Quốc phòng cần có những văn bản, những quy định cụ thể về việc phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng tham gia.

- Cần coi trọng công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV hằng năm để họ được cập nhật kiến thức, đặc biệt là tình hình QP-AN của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Luận văn 24

- Bổ sung cho Bộ môn GDQP-AN các trường những tài liệu, giáo trình phù hợp kịp thời với tình hình phát triển của đất nước.

**2.2. Đối với Trường Đại học Nông lâm TP.HCM**

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng về cơ sở hạ tầng: Nhà hiệu bộ, giảng đường, phòng học, sân tập...

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng đội ngũ, xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý về các khoa, trung tâm, phòng ban chức năng...

**2.3. Đối với Phân hiệu Trường Đại học Nông lâm TP.HCM tại Gia Lai**

- Thực hiện đúng thông tư số 31/2012/TT-BGĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 về việc ban hành chương trình giáo dục QP- AN, thay thế Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007.

- Tăng cường công tác kiểm tra dự giờ, thao giảng và đánh giá rút kinh nghiệm.

- Chỉ đạo các khoa, phòng ban chức năng phối hợp với các lực lượng tham gia công tác GDQP-AN cho SV để thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Vận dụng các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp đối với lực lượng tham gia công tác GDQP-AN cho SV.

**2.4. Đối với đơn vị hợp đồng liên kết đào tạo**

- Chỉ đạo các phòng ban liên quan hỗ trợ và tạo điều kiện cho phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai trong việc liên kết đào tạo công tác GDQP-AN cho SV. Tạo điều kiện cho SV của trường được tham gia môi trường quân ngũ thực sự.

- Tạo điều kiện cho CBQL và GV tham dự các khóa học tập huấn, bồi dưỡng do Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Quốc phòng tổ chức.

- Xây dựng và trẻ hóa đội ngũ GV có trình độ tương xứng.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng tiến bộ khoa học CNTT vào trong giảng dạy.

Luận văn 24

# TÀI LIỆU THAM KHẢO


[1] Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Văn Hoan, Huỳnh Thị Thu Hằng (2008), *Những vấn đề cơ bản về khoa học quản lý và quản lý giáo dục*, NXB giáo dục.

[2] Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 3/5/2007 Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP-AN trong tình hình mới.*

[3] Bộ GD&ĐT (2007), *Quy chế tổ chức và hoạt động*, Trung tâm GDQP-AN sinh viên.

[4] Bộ GD & ĐT (2007*), Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả môn học GDQP-AN.*

[5] Bộ GD & ĐT (2007), *Quyết định số 80, 81/2007/QĐ-BGDĐT Ban hành chương trình GDQP-AN cho HSSV hệ đại học, cao đẳng, THCN.*

[6] Bộ GD & ĐT (2008), *Quyết định số 57/2008/QĐ-BGDĐT ban hành Quy định về liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh của các cơ sở giáo dục đại học.*

[7] Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010), *Đại cương khoa học quản lý,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[8] Chỉ thị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

[9] Chỉ thị (2010), *Chỉ thị số 417/CT-TTg ngày 31/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác GDQP-AN năm 2010 và những năm tiếp theo.*

[10] Chính phủ (2007), *Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về Giáo dục quốc phòng – an ninh*

[11] Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* NXB chính trị quốc gia, Hà Nội


Luận văn 24

[12] Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* NXB chính trị quốc gia, Hà Nội

[13] Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* NXB chính trị quốc gia, Hà Nội

[14] Trần Khánh Đức (2011), *Sự phát triển các quan điểm giáo dục*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[15] Giáo trình *Giáo dục quốc phòng, an ninh* (*dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng)*, tập I, II (2008), NXB Giáo dục

[16] Phạm Minh Hạc (1989), *Một số vấn đề về giáo dục và khoa học giáo dục,* NXB GD Hà Nội.

[17] Đặng Xuân Hải, Nguyễn Sỹ Thư (2012), *Quản lý giáo dục, Quản lý nhà trường trong bối cảnh thay đổi,* NXB Giáo dục VN.

[18] Hà sĩ Hồ, Lê Tuấn (1987), *Những bài giảng về quản ký trường học,* tập III, NXB GD Hà Nội.

[19] Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (1996), *Lý luận dạy học đại học,* ĐH Quốc gia Hà Nội

[20] Trần Kiểm (2003), *Khoa học quản lý nhà trường phổ thông,* NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

[21] Luật Giáo dục (2005), *NXB Chính trị Quốc gia*, Hà Nội

[22] K. Marx và Ăngghen toàn tập (1999), *NXB Chính trị Quốc gia*, Hà Nội

[23] Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lý chất lượng giáo dục đại học,* NXB ĐH Quốc gia HN

[24] Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lý chiến lược, kế hoạch trong các trường đại học và cao đẳng,* NXB ĐH Quốc gia HN

[25] Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học- Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn,* NXB Giáo dục, HN

Luận văn 24

[26] Bùi Việt Phú – Lê Quang Sơn (2013), *Xu thế phát triển giáo dục - Giáo trình sau đại học, NXB Giáo dục Việt Nam.*

[27] Bùi Việt Phú (Chủ biên, 2014), Nguyễn Văn Đệ, Đặng bá Lãm, *Chiến lược và Chính sách giáo dục - Giáo trình sau đại học, NXB Giáo dục Việt Nam.*

[28] Quốc hội *(2004), Luật An ninh quốc gia,* NXB Chính trị Quốc gia

[29] Quốc hội *(2005), Luật giáo dục,* NXB Chính trị Quốc gia

[30] Quốc hội *(2006), Luật quốc phòng,* NXB Chính trị Quốc gia

[31] Thái Văn Thành (2007), *Quản lý giáo dục và quản lý nhà trường,* NXB Đại học Huế.

[32] Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại,* NXB Đại học quốc gia Hà Nội

[33] Thông Tư 31 (2012), *Ban hành chương trình giáo dục Quốc phòng-An ninh,* Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[34] Website của Bộ giáo dục và đào tạo: WWW.moet.gov.vn

[35] Website của Vụ Giáo dục Quốc phòng: quocphonganninh.edu.vn

[36] Website của Trường ĐH Nông lâm TP.HCM: WWW.hcmuaf.edu.vn

[37] Website của phân hiệu Trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai: phgl.hcmuaf.edu.vn

Luận văn 24

# PHỤ LỤC

❖ **Phụ lục1**

## PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

***( Dành cho CBQL, GV tham gia công tác GDQP-AN)***

Để có cơ sở đánh giá và đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý công tác GDQP-AN ở Phân hiệu trường Đại học Nông lâm TP.HCM tại Gia lai, xin quý Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về thực trạng quản lý công tác GDQP-AN cho sinh viên của nhà trường . Chúng tôi đảm bảo rằng, những ý kiến của quý Thầy cô nêu ra chỉ nhằm mục đích nghiên cứu.

Các thông tin do quý Thầy/Cô cung cấp sẽ hỗ trợ chúng tôi rất nhiều trong nghiên cứu của mình. Các thông tin mang tính cá nhân sẽ được giữ bí mật.

Quý Thầy/Cô lựa chọn bằng cách đánh dấu (X) vào ô thích hợp nhất theo các mức độ đánh giá trong bảng sau:

**Câu 1: Thực trạng quản lý mục tiêu công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai được thực hiện như thế nào?**

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| 1 | Công tác GDQP-AN cho SV đã thực hiện được nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trước yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN | | | | |
| 2 | SV có kiến thức cơ bản về đường lối QP-AN và công tác quản lý nhà nước về QP-AN | | | | |
| 3 | Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ GV, CBQL,SV đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ môn học đề ra | | | | |
| 4 | GDQP-AN đã rèn luyện cho SV ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác và tính cộng đồng trách nhiệm cao | | | | |
| 5 | Công tác GDQP-AN đã góp phần bồi dưỡng, hướng dẫn các phương pháp học tập tích cực cho SV | | | | |

**Câu 2: Thực trạng quản lý thực hiện nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN?**

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| **I.** | **Quản lý hoạt động học của SV** | | | | |
| 1 | Tổ chức SV học tập quy chế, quy định học tập. | | | | |
| 2 | Xây dựng quy định về nề nếp học tập trên lớp của SV | | | | |
| 3 | Bồi dưỡng, hướng dẫn các phương pháp học tập tích cực cho SV | | | | |
| 4 | Tổ chức, chỉ đạo GV thực hiện giao nhiệm vụ tự học cho SV và kiểm tra kết quả tự học của SV | | | | |
| 5 | Yêu cầu SV đọc tài liệu tham khảo để mở rộng kiến thức | | | | |
| **II.** | **Quản lý nội dung chương trình, kế hoạch** | | | | |
| 1 | Nội dung chương trình, kế hoạch công tác GDQP-AN hiện nay đã đáp ứng được nhiệm vụ môn học đề ra | | | | |
| 2 | Kiểm tra việc lập kế hoạch giảng dạy của tổ chuyên môn và GV giảng dạy | | | | |
| 3 | GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực, sử dụng phương tiện dạy học phù hợp từng nội dung bài giảng | | | | |
| 4 | Tổ chức dạy đủ các học phần. Theo dõi, kiểm tra việc GV thực hiện đúng, đủ chương trình | | | | |
| 5 | Tổ chức rút kinh nghiệm đánh giá thực hiện nội dung chương trình. GV dạy sai chương trình được xử lý nghiêm túc | | | | |
| **III.** | **Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV** | | | | |
| 1 | Tổ chức kiểm tra, thi hết môn theo đúng quy chế | | | | |
| 2 | Kiểm tra, thi hết môn theo hệ thống ngân hàng đề thi | | | | |
| 3 | Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra để kích thích tinh thần học tập của SV | | | | |
| 4 | Việc chấm, trả bài đúng tiến độ | | | | |
| 5 | Phân tích kết quả học tập định kỳ của SV | | | | |

**Câu 3: Thực trạng quản lý hoạt động dạy cấp chứng chỉ GDQP-AN của đơn vị liên kết đào tạo?**

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| 1 | Nhà trường phối hợp với đơn vị liên kết đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu dạy học của nhà trường | | | | |
| 2 | Sử dụng phương tiện DH tích cực. Thay đổi pp giảng dạy khi SV không hứng thú bài học | | | | |
| 3 | Tổ chức dự giờ và đánh giá rút kinh nghiệm | | | | |
| 4 | Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV | | | | |
| 5 | Cung cấp cho nhau thông tin về tình hình đào tạo của nhà trường | | | | |

**Câu 4: Thực trạng quản lý các lực lượng tham gia phối hợp?**

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| 1 | Cụ thể hóa nhiệm vụ công tác GDQP-AN cho các lực lượng tham gia | | | | |
| 2 | Huy động các lực lượng XH có chuyên môn về công tác GDQP-AN xây dựng chương trình, giáo trình công tác | | | | |
| 3 | Đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDQP-AN cho SV | | | | |
| 4 | Phối hợp tổ chức giao ban công tác GDQP-AN định kỳ giữa nhà trường và các lực lượng phối hợp | | | | |
| 5 | CBQL, SV phản hồi về trình độ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của CBGV được mời tham gia phối hợp | | | | |

**Câu 5: Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ khác?**

| STT | Vấn đề trưng cầu | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| **1** | CSVC, trang TBDH phục vụ cho công tác GDQP-AN đã được trang bị đầy đủ | | | | |
| **2** | Thường xuyên thống kê, báo cáo kịp thời về số lượng, chất lượng của CSVC phục vụ công tác GDQP-AN | | | | |
| **3** | Đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và làm tốt công tác khen thưởng, kỷ luật đối với việc bảo quản, sử dụng, giữ gìn CSVC | | | | |
| **4** | Tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học. | | | | |
| **5** | Chế độ chính sách đãi ngộ, bồi dưỡng cho GV và các lực lượng tham gia hỗ trợ GDQP-AN đã được đảm bảo | | | | |

Xin quý thầy cô cho biết đôi điều về bản thân:

1. Họ và Tên:
2. Tuổi:
3. Giới tính:
4. Trình độ chuyên môn:
5. Chức vụ đảm nhận:
6. Đơn vị công tác:

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Thầy/Cô.

*....., ngày..... tháng..... năm 2015*

**Người trả lời phiếu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

❖ **Phụ lục 2**

# PHIẾU ĐIỀU TRA

***( Dành cho Sinh viên)***

Để góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác GDQP-AN cho sinh viên Phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai, xin bạn vui lòng cho biết ý kiến một số nội dung sau (mỗi nội dung đánh dấu X vào cột tương ứng)

Các thông tin do bạn cung cấp sẽ hỗ trợ chúng tôi rất nhiều trong nghiên cứu của mình, không có câu trả lời nào bị đánh giá đúng hoặc sai, các thông tin mang tính cá nhân sẽ được giữ bí mật.

1. Họ và tên:
2. MSSV:
3. Lớp:
4. Ngành học:

**Câu 1: Thực trạng quản lý mục tiêu công tác GDQP-AN cho SV phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai được thực hiện như thế nào?**

| STT | Nội dung đánh giá | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| 1 | Công tác GDQP-AN cho SV đã thực hiện được nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trước yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN | | | | |
| 2 | SV có kiến thức cơ bản về đường lối QP-AN và công tác quản lý nhà nước về QP-AN | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **3** | Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ GV, CBQL,SV đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ môn học đề ra | | | | |
| **4** | GDQP-AN đã rèn luyện cho SV ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác và tính cộng đồng trách nhiệm cao | | | | |
| **5** | Công tác GDQP-AN đã góp phần bồi dưỡng, hướng dẫn các phương pháp học tập tích cực cho SV | | | | |

**Câu 2: Thực trạng quản lý hoạt động học tập của SV được thực hiện như thế nào?**

| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| **1** | Tổ chức SV học tập quy chế, quy định học tập. | | | | |
| **2** | Xây dựng quy định về nề nếp học tập trên lớp của SV | | | | |
| **3** | Bồi dưỡng, hướng dẫn các phương pháp học tập tích cực cho SV | | | | |
| **4** | Tổ chức, chỉ đạo GV thực hiện giao nhiệm vụ tự học cho SV và kiểm tra kết quả tự học của SV | | | | |
| **5** | Yêu cầu SV đọc tài liệu tham khảo để mở rộng kiến thức | | | | |

**Câu 3: Thực trạng quản lý việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV?**

| STT | Nội dung đánh giá | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| 1 | Tổ chức kiểm tra, thi hết môn theo đúng quy chế | | | | |
| 2 | Kiểm tra, thi hết môn theo hệ thống ngân hàng đề thi | | | | |
| 3 | Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra để kích thích tinh thần học tập của SV | | | | |
| 4 | Việc chấm, trả bài đúng tiến độ | | | | |
| 5 | Phân tích kết quả học tập định kỳ của SV | | | | |

**Câu 4: Thực trạng quản lý các lực lượng tham gia phối hợp?**

| STT | Nội dung đánh giá | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| 1 | Cụ thể hóa nhiệm vụ công tác GDQP-AN cho các lực lượng tham gia | | | | |
| 2 | Huy động các lực lượng XH có chuyên môn về công tác GDQP-AN xây dựng chương trình, giáo trình công tác | | | | |
| 3 | Đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDQP-AN cho SV | | | | |
| 4 | Phối hợp tổ chức giao ban công tác GDQP-AN định kỳ giữa nhà trường và các lực lượng phối hợp | | | | |
| 5 | CBQL, SV phản hồi về trình độ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của CBGV được mời tham gia phối hợp | | | | |

**Câu 5: Thực trạng quản lý các điều kiện phục vụ công tác GDQP-AN?**

| STT | Nội dung đánh giá | Mức độ đánh giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | T.Bình | Yếu |
| 1 | CSVC, trang TBDH phục vụ cho công tác GDQP-AN đã được trang bị đầy đủ | | | | |
| 2 | Xây dựng và phổ biến nội quy giữ gìn, bảo quản sử dụng CSVC, TBDH cho mọi đối tượng | | | | |
| 3 | Thường xuyên thống kê, báo cáo kịp thời về số lượng, chất lượng của CSVC và TBDH | | | | |
| 4 | Tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học | | | | |
| 5 | Đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và làm tốt công tác khen thưởng, kỷ luật đối với việc bảo quản, sử dụng, giữ gìn CSVC | | | | |

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của bạn !

*....., ngày..... tháng..... năm 2015*

**Người trả lời phiếu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

❖ **Phụ lục 3**

## Phiếu trưng cầu ý kiến CBQL, GV về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất

Kính gửi: Quý Thầy/ Cô là CBQL, GV có kinh nghiệm trong công tác GDQP-AN.

Trong quá trình nghiên cứu về thực trạng và đề ra biện pháp quản lý công tác GDQP-AN cho SV Phân hiệu trường ĐH Nông lâm TP.HCM tại Gia lai. Chúng tôi xin phép quý Thầy/ Cô cho biết ý kiến của mình về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất

Quý Thầy/ Cô lựa chọn bằng cách đánh dấu (X) vào ô thích hợp nhất theo các mức độ trong bảng sau:

| STT | Tên biện pháp | Tính cấp thiết (%) | | | | Tính khả thi (%) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Rất cấp thiết | Cấp thiết | Không cấp thiết | Thứ bậc | Khả thi cao | khả thi | Không khả thi | Thứ bậc |
| 1 | Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN cho mọi đối tượng trong nhà trường | | | | | | | | |
| 2 | Xây dựng kế hoạch khoa học và chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp GDQP-AN cho SV | | | | | | | | |
| 3 | Tăng cường quản lý hoạt động học của sinh viên | | | | | | | | |
| 4 | Đánh giá kết quả học tập công tác GDQP-AN cho SV theo mục tiêu giáo dục toàn diện | | | | | | | | |
| 5 | Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác GDQP-AN | | | | | | | | |
| 6 | Củng cố, hoàn thiện cơ chế phối hợp với các lực lượng tham gia, đơn vị liên kết đào tạo GDQP-AN cho SV | | | | | | | | |

Các Biện pháp đề xuất khác của quý Thầy/Cô:

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn!

Xin quý thầy cô cho biết đôi điều về bản thân:

7. Họ và Tên:..... 8. Tuổi:..... 9. Giới tính:.....

10.Trình độ chuyên môn:

11.Chức vụ đảm nhận:.....12. Đơn vị công tác:.....

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Thầy/Cô.

*....., ngày..... tháng..... năm 2015*

Người trả lời phiếu